

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

**PHÂN CÔNG BỘ MÔN QUẢN LÝ HỌC PHẦN
VÀ PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

Thanh Hóa, năm 2021

Số: 1692b/QĐ-DVTD

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân công Bộ môn quản lý học phần và phân công giảng viên giảng dạy
các ngành đào tạo trình độ Đại học theo hệ thống tín chỉ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THANH HÓA**

Căn cứ Quyết định 1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phân công Bộ môn quản lý học phần và phân công giảng viên giảng dạy các ngành đào tạo trình độ Đại học theo hệ thống tín chỉ.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2: Phân công này áp dụng cho việc triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo từ năm học 2022 - 2023.

Điều 3: Các đơn vị phòng Quản lý Đào tạo, phòng Thanh tra, phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục, các ông/bà Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn, giảng viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- BGH, CTHĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Hà

**DANH MỤC PHÂN CÔNG BỘ MÔN QUẢN LÝ HỌC PHẦN
VÀ PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY (HỆ ĐẠI HỌC)**

*(Kèm theo Quyết định số 1692b /QĐ-DVTTDT ngày 31 / 12/ 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá)*

TT	Bộ môn quản lý học phần/ Phân công giảng viên	Số học phần	Số trang
1.	Lý luận chính trị	7	1
2.	Giáo dục Mầm non	32	2
3.	Sư phạm Âm nhạc	23	5
4.	Sư phạm Mỹ thuật	28	9
5.	Thanh nhạc – Nhạc cụ	31	12
6.	Thiết kế thời trang	26	18
7.	Đồ họa	31	20
8.	Du lịch	26	22
9.	Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành	17	24
10.	Quản trị khách sạn	22	26
11.	Giáo dục thể chất	44	28
12.	Quản lý Thể dục thể thao	32	31
13.	Ngoại ngữ	42	34
14.	Luật	46	38
15.	Quản lý nhà nước	22	42
16.	Quản lý Văn hoá	56	44
17.	Công tác xã hội	30	49
18.	Công nghệ truyền thông	55	52
19.	Thông tin Thư viện	48	57

DANH MỤC BẢNG QUẢN LÝ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY/ HỌC PHẦN (HỆ ĐẠI HỌC)

(Kèm theo Quyết định số: 1692b /QĐ-DVTDĐT ngày 31 / 12 /2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá)

1. Bộ môn Lý luận chính trị (Academic division of general education) – 7 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	ĐC001	Triết học Mác - Lênin	The principles of Marxism – Leninism	3	0	Trắc nghiệm	TS. Nguyễn Thị Tình	ThS. Phạm Thị Phụng ThS. Hoàng Thị Thảo ThS. Lê Đình Hải	
2.	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political economics of Marxism and Leninsm	2	0	Trắc nghiệm	ThS. Phạm Thị Phụng	TS. Nguyễn Thị Tình ThS. Hoàng Thị Thảo ThS. Lê Đình Hải	
3.	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	2	0	Trắc nghiệm	ThS. Hoàng Thị Thảo	TS. Nguyễn Thị Tình ThS. Phạm Thị Phụng ThS. Lê Đình Hải	
4.	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's thought	2	0	Trắc nghiệm	ThS. Vũ Thị Thuý	TS. Nguyễn Thị Tình ThS. Vũ Thị Hoàng Oanh	
5.	ĐC005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnam Communist party	2	0	Trắc nghiệm	ThS. Vũ Thị Hoàng Oanh	ThS. Vũ Thị Thuý ThS. Bùi Thị Hậu ThS. Trịnh Thị Hậu	

6.	ĐC013	Chính trị học đại cương	General Politics	3	0	Tự luận			ThS. Trịnh Thị Hậu ThS. Vũ Thị Hoàng Oanh
7.	ĐC015	Logic học	Logics	2	0	Tự luận	ThS. Phạm Thị Phụng	ThS. Hoàng Thị Thảo	

2. Bộ môn Giáo dục mầm non (Academic division of preschool education) – 32 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	SAN001	Giáo dục học	Pedagogics	04	0	Vấn đáp	TS Lã Thị Tuyên	ThS. Đinh Thị Mơ	
2.	SAN002	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục	State administration and management of education and training	03	0	Tự luận	TS Lã Thị Tuyên	ThS. Đinh Thị Mơ	
3.	SAN003	Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm	Age and pedagogical psychology	04	0	Tự luận	TS Nguyễn Thị Hồng	ThS. Mai Thị Thanh Vân	
4.	MN001	Tâm lý học lứa tuổi mầm non	Psychology of preschool age	04	0	Vấn đáp	TS. Nguyễn Thị Hồng	ThS. Trần Thị Vân	
5.	MN002	Giáo dục học mầm non	Preschool education	03	0	Vấn đáp	TS. Lã Thị Tuyên	ThS Trần Thị Vân ThS. Đinh Thị Mơ	

6.	MN003	Sinh lý học trẻ em	Child physiology	03	0	Tự luận	ThS Phạm Thị Hải Yến	ThS. Lê Văn Dũng	
7.	MN004	Âm nhạc cơ bản	Basic music	01	02	Thực hành	ThS Trần Thị Oanh	ThS Trần Thu Hương	
8.	MN007	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	Hygiene and child nurturing	03	0	Tự luận	ThS Lê Thị Dung	ThS Phạm Thị Hải Yến	
9.	MN008	Bệnh học trẻ em	Child diseases	03	0	Tự luận	Lê Đình Hồng		
10.	MN009	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Language development methods of preschool children	02	01	Tự luận	TS.Nguyễn Thị Thái	ThS Lê Thị Hương	
11.	MN010	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	Physical education methods for preschool children	02	01	Tự luận	TS.Nguyễn Thị Hà	TS. Tạ Thị Thủy ThS Hoàng Thị Thu Hằng	
12.	MN011	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	Physical education methods for preschool children	01	02	Thực hành	TS. Tô Thị Hương	TS. Đồng Hương Lan TS.Trịnh Ngọc Trung ThS Phạm Cẩm Hùng	
13.	MN012	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	Methods of forming math Symbols for preschool children	01	02	Thực hành	ThS Phùng Thúy Phương	ThS.Nguyễn Thị Phương	
14.	MN013	Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	Methods for children to explore their surroundings	02	01	Tự luận	ThS Trần Thị Vân	ThS.Lê Bá Thành	

15.	MN014	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	Methods of organizing shaping activities for preschool children	01	02	Thực hành	ThS.Lê Văn Tĩnh	TS.Trần Việt Anh	
16.	MN015	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	Methods of organizing musical activities for preschool children	01	02	Thực hành	ThS. Trần Thị Oanh	ThS Trần Thu Hương	
17.	MN016	Giáo dục hoà nhập	Inclusive education	03	0	Vấn đáp	TS. Lã Thị Tuyên	ThS Nguyễn Thị Hồng Anh ThS.Đinh Thị Mơ	
18.	MN017	Nghề giáo viên mầm non	Preschool teaching	03	0	Tự luận	TS.Nguyễn Thị Hồng	ThS Nguyễn Thị Hồng Anh	
19.	MN018	Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non	Making teaching aids and toys for preschool children	0	03	Thực hành	ThS Trần Xuân Tý	ThS Nguyễn Hoàng Linh	
20.	MN019	Múa và phương pháp biên đạo múa	Methods of dance and choreography	0	03	Thực hành	ThS.Nguyễn Thị Lan	ThS.Vũ Thị Huyền	
21.	MN020	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Regular pedagogical practice	0	04	Thực hành	Đỗ Thị Lan Thanh		
22.	MN025	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	Informatic technology application in preschool education	0	02	Thực hành	ThS Lưu Vũ Nam	ThS Lê Ngọc Hoàn ThS Đỗ Thị Hằng	

23.	MN026	Mỹ thuật ứng dụng (Cắt dán, xé dán, nặn, gấp giấy)	Fine art application	0	02	Thực hành	ThS. Trần Xuân Tý	ThS. Lê Thị Thư	
24.	MN028	Quản lý trường mầm non	Reschool management	02	0	Tự luận	TS Lã Thị Tuyên	ThS Đinh Thị Mơ	
25.	MN032	Giáo dục trẻ tự kỉ	Preschool teaching	03	0	Tự luận	ThS Nguyễn Thị Hồng Anh	ThS Mai Thị Thanh Vân	
26.	MN033	Phương pháp kể chuyện cho trẻ mầm non	Storytelling method for early childhood students	0	02	Thực hành	TS. Nguyễn Thị Thái		ThS Lê Thị Hiền
27.	MN039	Giao tiếp sư phạm mầm non	Preschool pedagogical communication	02	01	Vấn đáp	ThS. Mai Thị Thanh Vân	ThS. Lê Bá Thành	
28.	MN041	Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục mầm non	Selecting and using musical compositions in preschool education	0	02	Thực hành	ThS. Trần Thị Oanh	ThS. Trần Thu Hương	
29.	MN038	Giáo dục học đại cương	General education	03	0	Vấn đáp	TS. Lã Thị Tuyên	ThS. Đinh Thị Mơ	
30.	MN031	Kiến tập sư phạm	Pedagogical practice	0	03	Thực hành	Bộ môn Giáo dục mầm non		
31.	MN035	Thực tập sư phạm	Pedagogical internship	0	05	Thực hành	Bộ môn Giáo dục mầm non		
32.	MN040	Báo cáo thực tập	Graduation Report	0	05	Báo cáo	Bộ môn Giáo dục mầm non		

3. Bộ môn Sư phạm Âm nhạc (Academic division of music education) – 23 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên (Ghi rõ họ tên, học hàm, học vị)		
				LT	TH		GV phụ trách	GV cùng dạy	GV tiếp cận
1.	LA004	Phân tích tác phẩm âm nhạc	Analysis of musical works	3	0	Tự luận	ThS. Đoàn Tiến Dũng	ThS. Nguyễn Tiến Thành	ThS. Mai Đông
2.	LA005	Lý thuyết âm nhạc 1	Music theory 1	3	0	Tự luận	TS Vi Minh Huy	ThS. Nguyễn Tiến Thành ThS. Phạm Ngọc Đình	
3.	LA006	Lý thuyết âm nhạc 2	Music theory 2	3	0	Tự luận	TS Vi Minh Huy	ThS. Nguyễn Tiến Thành ThS. Phạm Ngọc Đình	
4.	LA007	Hoà âm	Harmony	3	0	Tự luận	TS Vi Minh Huy	ThS. Nguyễn Tiến Thành	ThS. Mai Đông
5.	LA009	Nhạc khí phổ thông	Popular musical instrument	2	0	Tự luận	ThS. Đoàn Tiến Dũng	ThS. Nguyễn Tiến Thành ThS. Phạm Ngọc Đình	ThS. Đặng Thanh Tăng ThS. Nguyễn Đình Thảo

6.	LA010	Ký xướng âm 1	Musical notation and vocal 1	0	3	Thực hành	ThS. Đoàn Tiến Dũng	ThS. Phạm Ngọc Đỉnh TS Vi Minh Huy ThS. Nguyễn Tiến Thành	
7.	LA011	Ký xướng âm 2	Musical notation and vocal 2	0	3	Thực hành	ThS. Phạm Ngọc Đỉnh	TS Vi Minh Huy ThS. Nguyễn Tiến Thành	
8.	LA012	Ký xướng âm 3	Musical notation and vocal 3	0	2	Thực hành	TS Vi Minh Huy	ThS. Nguyễn Tiến Thành ThS. Đoàn Tiến Dũng ThS. Phạm Ngọc Đỉnh	
9.	LA013	Ký xướng âm 4	Musical notation and vocal 4	0	2	Thực hành	TS Vi Minh Huy	ThS. Nguyễn Tiến Thành ThS. Đoàn Tiến Dũng ThS. Phạm Ngọc Đỉnh	

10.	LA014	Ký xướng âm 5	Musical notation and vocal 5	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Tiến Thành	ThS. Đoàn Tiến Dũng TS. Vi Minh Huy ThS. Phạm Ngọc Đình	
11.	LA016	Tin học chuyên ngành	Specialized informatics	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Tiến Thành	ThS. Phạm Ngọc Đình	ThS. Nguyễn Đình Thảo
12.	LA017	Lịch sử Âm nhạc Thế giới	World Music History	4	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Tiến Thành	ThS. Đoàn Tiến Dũng	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Đỗ My Lam
13.	LA018	Lịch sử Âm nhạc Việt Nam	Vietnamese Music History	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Tiến Thành	ThS. Đoàn Tiến Dũng ThS. Phạm Ngọc Đình	ThS. Trịnh Thúy Khuyên
14.	LA019	Múa dân gian	Folk dance	0	2	Thực hành	ThS. Hoàng Thanh Hải	ThS. Vũ Thị Huyền	ThS Lê Mai Ly
15.	SAN004	Phương pháp dàn dựng chương trình Ca – Múa – Nhạc	Staging methods of singing-dancing-music program	0	3	Thực hành	ThS. Đoàn Tiến Dũng	ThS. Vũ Thị Huyền	ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Đỗ My Lam ThS. Lê Mai Ly

16.	SAN005	Nhập môn sáng tác	Introdution to compose	1	1	Thực hành	ThS. Đoàn Tiến Dũng		ThS. Mai Đông TS Vi Minh Huy
17.	SAN006	Phương pháp dạy học âm nhạc	Musical teaching methods	0	4	Thực hành	ThS. Trần Thị Oanh	TS Vi Minh Huy ThS. Trần Thu Hương	
18.	SAN007	Nghịệp vụ sư phạm (SPAN)	Pedagogical profession	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Thị Hồng		ThS. Trần Thu Hương
19.				0	2	Thực hành	TS Vi Minh Huy	ThS. Trần Thị Oanh	ThS. Trần Thu Hương
20.	SAN008	Công tác Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh young pioneers work	0	3	Thực hành	ThS. Trần Thị Oanh		ThS. Trần Thu Hương
21.	SAN010	Chỉ huy hợp xướng	Choir chief	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Tiến Thành		ThS. Đỗ Mạnh Thắng. ThS. Lê Thu Trang ThS. Phạm Hồng Hải

22.	SAN009	Kiến tập sư phạm	Pedagogic observation	0	3	Thực hành	Bộ môn Sư phạm Âm nhạc
23.	SAN011	Thực tập sư phạm	Pedagogical practice	0	5	Thực hành	Bộ môn Sư phạm Âm nhạc
24.	SAN012	Thực hành Sư phạm Âm nhạc tổng hợp	General music education	0	8	Thực hành	Bộ môn Sư phạm Âm nhạc

4. Bộ môn Sư phạm Mỹ thuật (Academic division of fine arts education) – 28 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	ĐC010	Nghệ thuật học đại cương	General art	2	0	Tự luận	TS.Trần Việt Anh	PGS. TS.Lê Văn Tạo	
2.	SMT001	Trang trí ứng dụng	App decoration	0	4	Thực hành	ThS. Lê Văn Tĩnh	ThS. Trần Xuân Tý	
3.	MT001	Lịch sử mỹ thuật	Art history	4	0	Tự luận	TS.Trần Việt Anh	ThS..Lê Thị Minh Thư	
4.	MT002	Mỹ thuật cơ bản (GDMN)	Basic art	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Hoàng Linh	ThS. Phạm Văn Thắng	ThS. Lê Thị Minh Thư
5.	MT004	Giải phẫu tạo hình	Anatomy	1	1	Thực hành	ThS. Trần Xuân Tý		ThS. Lê Thị Minh Thư
6.	MT005	Luật xa gần	Perspective	1	1	Thực hành	GVC.TS. Trần Việt Anh	ThS.Nguyễn Phi Trường	

7.	MT007	Hình họa 1: Tượng chân dung và tượng bán thân nam, nữ (Chất liệu chì đen)	Drawing 1: Portrait statues and male and female busts statues (<i>black lead</i>)	0	2	Thực hành	ThS. Trần Xuân Quang	ThS.Trần Xuân Tý	
8.	MT008	Hình họa 2: Chân dung và bán thân nam, nữ (<i>Chất liệu chì đen</i>)	Drawing 2: Portrait model and male and female half – length model (black lead)	0	2	Thực hành	ThS. Phạm Văn Thắng	ThS. Nguyễn Hoàng Linh	
9.	MT009	Hình họa 3: Toàn thân nam, nữ khỏa (Chất liệu than vẽ)	Drawing 3: Nude male and female 1 (<i>charcoal</i>)	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Hoàng Linh	ThS. Trần Xuân Quang	
10.	MT013	Hình họa 4: Tĩnh vật phức hợp và bán thân bán thân nam, nữ (Chất liệu sơn dầu)	Drawing 4: Complex still- life and male and female half – length model (<i>oil painting</i>)	0	3	Thực hành	ThS. Phạm Văn Thắng	ThS. Nguyễn Hoàng Linh	
11.	MT014	Hình họa 5: Toàn thân nam nữ khỏa thân 2 (Chất liệu than, sơn dầu)	Drawing 5: Nude male and female 2 (<i>charcoal, oil painting</i>)	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Hoàng Linh	ThS. Phạm Văn Thắng	

12.	SMT003	Bố cục 1: Chủ đề thiếu nhi và lao động (<i>chất liệu Bột màu</i>)	Composition1: topic of children and work (<i>pigment material</i>)	0	2	Thực hành	ThS. Trần Xuân Quang	ThS. Trần Xuân Tý	
13.	SMT004	Bố cục 2: Chủ đề sinh hoạt và lễ hội (<i>chất liệu Sơn dầu</i>)	Composition2: topic of living and festival (<i>oil painting material</i>)	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Hoàng Linh	Ths. Trần Xuân Quang	
14.	SMT005	Bố cục 3: Chủ đề phong cảnh và tự chọn 1 (<i>chất liệu lụa</i>)	Composition 3: topic of landscape and optional 1 (<i>silk material</i>)	0	2	Thực hành	ThS. Phạm Văn Thắng	TS. Trần Việt Anh	
15.	SMT006	Bố cục 4: Chủ đề phong cảnh và tự chọn (2 <i>chất liệu Khắc gỗ</i>)	Composition 4: topic of landscape and optional 12 (<i>woodcarving material</i>)	0	3	Thực hành	ThS. Trần Xuân Quang	ThS. Trần Xuân Tý	
16.	SMT007	Bố cục 5: Chủ đề chép tranh dân gian và tự chọn (<i>chất liệu Sơn mài</i>)	Composition 5: topic of folk painting and optional (<i>lacquer material</i>)	0	3	Thực hành	ThS. Phạm Văn Thắng	ThS. Nguyễn Hoàng Linh	
17.	SMT009	Phương pháp dạy học mỹ thuật	Teaching methods of fine arts	0	4	Thực hành	ThS. Lê Văn Tĩnh		ThS. Trần Xuân Quang

18.	SMT011	Nghiên cứu mỹ thuật truyền thống Việt Nam	Research of vietnam traditional fine arts	1	1	Thực hành	TS. Trần Việt Anh	ThS. Nguyễn Hoàng Linh	
19.	SMT013	Vẽ phong cảnh ngoài trời	Drawing outdoor	0	2	Thực hành	ThS. Lê Văn Tĩnh	ThS. Trần Xuân Tý	
20.	SMT014	Nghệ thuật sắp đặt	Installation Art	0	2	Thực hành	ThS. Trần Xuân Tý	ThS. Trần Xuân Quang	
21.	SMT019	Phân tích tác phẩm mỹ thuật	Analysis of fine art works	2	0	Tự luận	TS. Trần Việt Anh	ThS. Nguyễn Hoàng Linh	
22.	MT020	Mỹ thuật đa phương tiện	Multimedia art	0	2	Thực hành	ThS. Vũ Trọng Thành	ThS. Trần Xuân Quang	
23.	MT027	Điêu khắc	Sculpture	0	2	Thực hành	ThS. Trần Xuân Tý		ThS. Trần Xuân Quang
24.	MT028	Trang trí cơ bản	Basic decoration	0	2	Thực hành	ThS. Trần Xuân Tý	ThS. Lê Văn Tĩnh	
25.	SMT019	Nghiệp vụ sư phạm (SPMT)	Pedagogical profession	1	3	Thực hành	Bộ môn Sư phạm Mỹ thuật		
26.	SMT015	Kiến tập sư phạm	Pedagocic observation	0	3	Thực hành	Bộ môn Sư phạm Mỹ thuật		
27.	SMT016	Thực tập sư phạm	Pedagogical practice	0	5	Thực hành	Bộ môn Sư phạm Mỹ thuật		
28.	SMT017	Thực tế chuyên ngành	Specialized practice	0	2	Thực hành	Bộ môn Sư phạm Mỹ thuật		
29.	SMT018	Thực hành sư phạm mỹ thuật tổng hợp	General practice of fine art education	2	6	Tự luận + Thực hành	Bộ môn Sư phạm Mỹ thuật		

5. Bộ môn Thanh nhạc – Nhạc cụ (Academic division of vocal music - music instrument) – 31 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	TN001	Thanh nhạc 1 (TN)	Vocal music 1	0	2	Thực hành	ThS. Phạm Hoàng Hiền	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Lê Thu Trang ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Bùi Thị Thu ThS. Ninh Quang Hưng ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	
2.	TN002	Thanh nhạc 2 (TN)	Vocal music 2	0	2	Thực hành	ThS. Lê Thu Trang	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Bùi Thị Thu ThS. Ninh Quang Hưng ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	
3.	TN003	Thanh nhạc 3 (TN)	Vocal music 3	0	2	Thực hành	ThS. Phạm Hồng Hải	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Bùi Thị Thu ThS. Ninh Quang Hưng ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	

4.	TN004	Thanh nhạc 4 (TN)	Vocal music 4	0	2	Thực hành	ThS. Bùi Thu	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Ninh Quang Hưng ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	
5.	TN005	Thanh nhạc 5 (TN)	Vocal music 5	0	2	Thực hành	ThS. Ninh Quang Hưng	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Bùi Thị Thu ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	
6.	TN006	Thanh nhạc 6 (TN)	Vocal music 6	0	2	Thực hành	ThS. Đỗ Thị Lam	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Bùi Thị Thu ThS. Ninh Quang Hưng ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	
7.	TN007	Thanh nhạc 7 (TN)	Vocal music 7	0	2	Thực hành	ThS. Lê Thị Tuyết	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Bùi Thị Thu ThS. Ninh Quang Hưng ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Mai Ly	

8.	TN008	Thanh nhạc 8 (TN)	Vocal music 8	0	2	Thực hành	ThS. Trịnh Thúy Khuyên	ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Bùi Thị Thu ThS. Ninh Quang Hưng ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	
9.	TN009	Hát hợp xướng 1	Choir singing 1	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Tiến Thành		ThS. Lê Thu Trang ThS. Ninh Quang Hưng
10.	TN010	Hát hợp xướng 2	Choir singing 2	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Tiến Thành		ThS. Lê Thu Trang ThS. Ninh Quang Hưng
11.	TN009	Hát hợp xướng (SPAN)	Choir singing	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Tiến Thành		ThS. Lê Thu Trang ThS. Ninh Quang Hưng
12.	TN012	Kỹ thuật diễn viên	Acting technique	0	3	Thực hành	NSND. Hàn Hải	ThS. Trịnh Thúy Khuyên	ThS Phạm Hồng Hải Ths. Lê Mai Ly ThS. Đỗ Thị Lam
13.	TN013	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	Educational methods of vocal music	0	3	Vấn đáp	ThS. Phạm Hoàng Hiền	TS. Vi Minh Huy	ThS. Trịnh Thúy Khuyên

14.	TN0017	Lịch sử Nghệ thuật Thanh nhạc	History of Vocal Art	0	2	Tự luận	Mời chuyên gia		ThS. Bùi Thị Thu ThS. Lê Thu Trang
15.	TN0018	Phát âm tiếng Ý - Đức- Nga	Italian - German-Russian pronunciation	0	2	Thực hành	Mời chuyên gia		ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly
16.	TN019	Hát dân ca	Singing folk songs	0	2	Thực hành	ThS. Lê Thu Trang	ThS. Trịnh Thúy Khuyên	ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Bùi Thị Thu
17.	TN020	Biểu diễn với dàn nhạc tổng hợp	General Orchestra Performance	0	2	Thực hành	ThS. Mai Đông	TS Vi Minh Huy ThS. Đặng Thanh Tăng Th.S Đỗ Mạnh Thắng	
18.	MN005	Hát	Singing	0	2	Thực hành	ThS. Bùi Thị Thu	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Ninh Quang Hưng ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	
19.	MN006	Đàn Organ	Organ	0	2	Thực hành	Th.S Đỗ Mạnh Thắng	ThS. Mai Đông ThS. Nguyễn Đình Thảo ThS. Đặng Thanh Tăng	

20.	NC001	Piano 1	Piano 1	0	2	Thực hành	ThS. Mai Đông	ThS. Đặng Thanh Tăng Th.S Đỗ Mạnh Thắng ThS. Nguyễn Đình Thảo	
21.	NC002	Piano 2	Piano 2	0	2	Thực hành	ThS. Đặng Thanh Tăng	ThS. Mai Đông Th.S Đỗ Mạnh Thắng ThS. Nguyễn Đình Thảo	
22.	TN021	Thanh nhạc 1 (SPAN)	Vocal music 1	0	1	Thực hành	ThS. Trịnh Thúy Khuyên	ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Bùi Thị Thu ThS. Ninh Quang Hưng ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	
23.	TN022	Thanh nhạc 2 (SPAN)	Vocal music 2	0	2	Thực hành	ThS. Lê Thu Trang	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Bùi Thị Thu ThS. Ninh Quang Hưng ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	
24.	TN023	Thanh nhạc 3 (SPAN)	Vocal music 3	0	2	Thực hành	ThS. Ninh Quang Hưng	ThS. Trịnh Thúy Khuyên ThS. Phạm Hoàng Hiền ThS. Phạm Hồng Hải ThS. Bùi Thị Thu ThS. Đỗ Thị Lam ThS. Lê Thị Tuyết ThS. Lê Mai Ly	

25.	NC003	Đàn phím điện tử 1 (Sư phạm)	Electronic keyboard 1	0	1	Thực hành	ThS. Đỗ Mạnh Thắng	ThS. Mai Đông ThS. Đặng Thanh Tăng ThS. Nguyễn Đình Thảo	
26.	NC004	Đàn phím điện tử 2 (Sư phạm)	Electronic keyboard 2	0	2	Thực hành	ThS. Đặng Thanh Tăng	ThS. Mai Đông ThS. Đỗ Mạnh Thắng ThS. Nguyễn Đình Thảo	
27.	NC005	Đàn phím điện tử 3 (Sư phạm)	Electronic keyboard 3	0	2	Thực hành	ThS. Mai Đông	ThS. Đặng Thanh Tăng ThS. Đỗ Mạnh Thắng ThS. Nguyễn Đình Thảo	
28.	NC006	Đệm đàn	Musical accompaniment	0	2	Thực hành	ThS. Mai Đông	ThS. Đặng Thanh Tăng ThS. Đỗ Mạnh Thắng ThS. Nguyễn Đình Thảo	
29.	TN014	Thực tập nghề nghiệp 1 (Thực hành nghề nghiệp thường xuyên trong trường)	Specialized practice 1	0	6	Thực hành	Bộ môn Thanh nhạc		
30.	TN015	Thực tập nghề nghiệp 2 (Thực tập nghề nghiệp ngoài trường)	Specialized practice 2	0	4	Thực hành	Bộ môn Thanh nhạc		
31.	TN016	Chương trình biểu diễn Báo cáo Tốt nghiệp	Graduation performance	0	8	Thực hành	Bộ môn Thanh nhạc		

6. Bộ môn Thiết kế Thời trang (Academic division of fashion design) – 26 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	TT002	Lịch sử thời trang	History of fashion	2	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Hồng Thúy		ThS. Bùi Thị Hằng
2.	TT004	Vật liệu may mặc	Garment material	0	2	Thực hành	ThS. Mai Thị Nga	ThS. Tăng Vũ	
3.	TT005	Nhân trắc học- Cỡ số may mặc	Anthropometrics – garment size	1	1	Thực hành	ThS. Bùi Thị Hằng	ThS. Mai Thị Nga	
4.	TT006	Nguyên lý thiết kế trang phục	Principles of costume design	1	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Hồng Thúy	ThS. Bùi Hằng	
5.	TT007	Thiết kế họa tiết trang trí vải và sản phẩm thời trang	Design of clothing pattern and fashion products	0	3	Thực hành	ThS. Mai Thị Nga	ThS. Nguyễn Hồng Thúy	
6.	TT008	Đồ họa thời trang - Phương pháp phác thảo mẫu đơn chiếc	Fashion graphics – sketching method of single fashion products	0	3	Thực hành	ThS. Mai Thị Nga	ThS. Bùi Thị Hằng	
7.	TT009	Đồ họa thời trang - Phương pháp phác thảo nhóm mẫu	Fashion graphics – sketching method of fashion product group	0	3	Thực hành	ThS. Bùi Thị Hằng	ThS. Mai Thị Nga	
8.	TT010	Nguyên lý tạo dáng trang phục 2D	Principles of 2D costume design	0	3	Thực hành	ThS. Bùi Thị Hằng	ThS. Mai Thị Nga	

9.	TT011	Nguyên lý tạo dáng trang phục 3D	Principles of 3D costume design	0	3	Thực hành	ThS. Bùi Thị Hằng	ThS. Tăng Đức Vũ	
10.	TT012	Thiết kế Thời trang cho hình ảnh cá nhân	Fashion design of individual image	1	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Hồng Thúy	ThS. Bùi Thị Hằng	
11.	TT013	Thiết kế Thời trang trẻ em	Fashion design for children	1	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Hồng Thúy	ThS. Mai Thị Nga	
12.	TT014	Thiết kế bộ và đồng bộ trang phục công sở	Design of fashion set and office uniform	1	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Hồng Thúy	ThS. Trần Lộc	
13.	TT015	Thiết kế bộ và đồng bộ trang phục dạ hội	Design of fashion set and evening gown	1	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Hồng Thúy	ThS. Bùi Thị Hằng	
14.	TT016	Thiết kế thời trang với nghệ thuật thủ công truyền thống	Fashion design with traditional craft	1	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Hồng Thúy	ThS. Bùi Thị Hằng	
15.	TT017	Công nghệ sản xuất sản phẩm may công nghiệp	Technology of industrial garment production	0	2	Thực hành	ThS. Tăng Đức Vũ		ThS. Trần Lộc
16.	TT018	Công nghệ cắt may sơ mi nam nữ	Sewing technology for male and female's shirt	0	3	Thực hành	ThS. Tăng Đức Vũ		ThS. Trần Lộc
17.	TT019	Công nghệ cắt may quần âu nam nữ	Sewing technology for male and female's trousers	0	3	Thực hành	ThS. Tăng Đức Vũ		ThS. Trần Lộc
18.	TT020	Công nghệ cắt may váy-áo dài	Sewing technology for dress and <i>áo dài</i>	0	3	Thực hành	ThS. Tăng Đức Vũ		ThS. Trần Lộc

19.	TT021	Công nghệ cắt may áo khoác ngoài nam nữ	Sewing technology for male and female's coat	0	3	Thực hành	ThS. Tăng Đức Vũ		ThS. Trần Lộc
20.	TT025	Công nghệ cắt may áo cưới	Sewing technology for Wedding dress	0	3	Thực hành	ThS. Tăng Đức Vũ		ThS. Trần Lộc
21.	TT026	Thiết kế thời trang cơ bản	Basic fashion design	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Hồng Thúy	Bùi Hằng	
22.	TT028	Lụa	Silk	0	2	Thực hành	TS. Trần Việt Anh	Xuân Quang	
23.	TT003	Kinh doanh thời trang	Fashion business	2	0	Tiểu luận	ThS. Trần Lộc	ThS. Tăng Đức Vũ	
24.	TT024	Thực tế nghề nghiệp	Professional practice	0	4	Thực hành	Bộ môn Thiết kế thời trang		
25.	TT022	Thực tập cuối khóa	Final internship	0	4	Thực hành	Bộ môn Thiết kế thời trang		
26.	TT023	Đồ án thiết kế thời trang tổng hợp	General fashion design project	0	4	Đồ án	Bộ môn Thiết kế thời trang		

7. Bộ môn Đồ họa (Academic division of graphics design) – 31 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	ĐH001	Nghiên cứu thiên nhiên	Natural research	0	3	Thực hành	ThS. Bùi Thị Ngoan	ThS. Vũ Trọng Thành	
2.	ĐH002	Cơ sở tạo hình 1 <i>Nghiên cứu cơ sở</i>	Visual basics 1 <i>Basic research</i>	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Phi Trường	ThS. Bùi Đức Chung	

3.	ĐH003	Cơ sở tạo hình 2 <i>Bố cục tạo hình cơ bản</i>	Visual basics 2 <i>basic visual layout</i>	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Phi Trường	ThS. Bùi Đức Chung	
4.	ĐH004	Cơ sở tạo hình 3 <i>Bố cục hình khối</i>	Visual basics 3 <i>cubic layout</i>	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Phi Trường	ThS. Bùi Đức Chung	
5.	ĐH005	Sáng tác Thiết kế 1 - <i>Tranh khắc</i>	Design 1 – <i>Carving painting</i>	0	3	Thực hành	ThS. Trần Xuân Quang	ThS. Bùi Thị Ngoan	
6.	ĐH006	Sáng tác Thiết kế 2 - <i>Bìa sách, Minh họa, Thiết kế tạp chí, dàn trang</i>	Design 2– Book Cover, Illustration, Magazine Design, Page Layout	0	3	Thực hành	ThS. Vũ Trọng Thành	ThS. Bùi Thị Ngoan	
7.	ĐH007	Sáng tác Thiết kế 3 - <i>Lịch</i>	Design 3 – <i>Calendar</i>	0	3	Thực hành	ThS. Bùi Thị Ngoan	ThS. Vũ Trọng Thành	
8.	ĐH008	Sáng tác Thiết kế 4 - <i>Logo</i>	Logo	0	3	Thực hành	ThS. Bùi Đức Chung	ThS. Bùi Thị Ngoan	
9.	ĐH009	Sáng tác Thiết kế 5 - <i>Bao bì</i>	Design 5 - Packaging	0	3	Thực hành	ThS. Bùi Đức Chung	ThS. Bùi Thị Ngoan	
10.	ĐH011	Sáng tác Thiết kế 6 - <i>Tranh cổ động, Poster</i>	Design 6- Poster	0	3	Thực hành	ThS. Vũ Trọng Thành	ThS. Bùi Đức Chung	
11.	ĐH012	Sáng tác Thiết kế 7 - <i>Brochure, Catalogue</i>	Design 7 – Brochure, catalogue	0	3	Thực hành	ThS. Bùi Đức Chung	ThS. Bùi Thị Ngoan	
12.	ĐH010	Sáng tác Thiết kế 8 - <i>Thiết kế đồng bộ sản phẩm</i>	Design 8 - Synchronous design of the products	0	2	Thực hành	ThS. Vũ Trọng Thành	ThS. Bùi Đức Chung	
13.	ĐH013	Phát triển ý tưởng	Development of the idea	0	3	Thực hành	ThS. Bùi Đức Chung	ThS. Bùi Thị Ngoan	

14.	ĐH014	Vẽ kỹ thuật	Technical drawing	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Phi Trường	ThS. Nguyễn Hồng Thúy	
15.	ĐH015	Đồ họa vi tính (SPMT)	Computer graphics	0	3	Thực hành	ThS. Vũ Trọng Thành	ThS. Bùi Thị Ngoan Phi Trường	
16.	ĐH015	Đồ họa vi tính 1 (<i>Photoshop, Corel, Illustrator</i>)	Computer graphics (<i>photoshop, corel, illustrator</i>)	0	3	Thực hành	ThS. Vũ Trọng Thành	ThS. Bùi Thị Ngoan Phi Trường	
17.	ĐH016	Nghệ thuật chữ	Arts of the letters	0	3	Thực hành	ThS. Bùi Đức Chung	ThS. Bùi Thị Ngoan	
18.	ĐH017	Đồ họa ảnh	Photo graphics	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Phi Trường	ThS. Vũ Trọng Thành	
19.	ĐH018	Thiết kế giao diện Website	Design of website interface	0	2	Thực hành	ThS. Vũ Trọng Thành	ThS. Bùi Đức Chung	
20.	ĐH019	Ký họa	Sketch	0	2	Thực hành	ThS. Trần Xuân Quang	ThS. Nguyễn Hoàng Linh	
21.	ĐH020	Thiết kế gian hàng, triển lãm hội chợ	Booths and exhibitions design	0	2	Thực hành	ThS. Bùi Đức Chung	ThS. Nguyễn Phi Trường	
22.	ĐH023	Đồ họa vi tính 2 (AutoCad 3D)	Computer graphics	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Phi Trường	ThS. Bùi Đức Chung	
23.	ĐH024	Sáng tác Tranh trổ giấy	Paper painting	0	2	Thực hành	ThS. Bùi Thị Ngoan	ThS. Vũ Trọng Thành	
24.	ĐH025	Sơn mài	Lacquer	0	2	Thực hành	TS. Trần Việt Anh	ThS. Trần Xuân Quang	
25.	ĐH031	Bố cục Lụa	Silk Layout	0	2	Thực hành	TS. Trần Việt Anh	ThS. Trần Xuân Quang	

26.	ĐH032	Tranh đồ hoạ ấn loát	Printed graphic painting	0	2	Thực hành	ThS. Bùi Thị Ngoan	ThS. Vũ Trọng Thành	
27.	ĐH034	Thiết kế công nghiệp cơ bản	Basic industrial design	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Phi Trường	ThS. Bùi Đức Chung	
28.	MT033	Kiến trúc cơ bản	Basic Architecture	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Phi Trường	ThS. Bùi Đức Chung	
29.	ĐH027	Thực tế nghề nghiệp	Specialized practice	0	4	Thực hành	Bộ môn Đồ hoạ		
30.	ĐH029	Thực tập cuối khóa	Final Internship	0	4	Thực hành	Bộ môn Đồ hoạ		
31.	ĐH030	Đồ án tổng hợp	Graduation project	0	4	Thực hành	Bộ môn Đồ hoạ		

8. Bộ môn Du lịch (Academic division of Tourism) – 26 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	DL001	Tổng quan du lịch	Tourism overview	3	0	Trắc nghiệm	TS. Nguyễn Trúc Quỳnh	TS. Vũ Văn Tuyền	
2.	DL002	Văn hóa Du lịch	Tourism Culture	3	0	Tự luận	ThS. Lưu Thị Ngọc Diệp	TS. Nguyễn Trúc Quỳnh	
3.	DL003	Địa lý du lịch Việt Nam	Vietnamese tourism geography	3	0	Tự luận	TS. Nguyễn Trúc Quỳnh		TS. Nguyễn Đình Nghĩa ThS. Nguyễn Thị Hằng

4.	DL004	Di tích và danh thắng Việt Nam	Vietnamese landscapes and relics	2	1	Tự luận	ThS. Lưu Thị Ngọc Diệp	TS. Lê Thị Thảo	
5.	DL006	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	Vietnam tourism routes and sites	1	2	Thực hành	ThS. Lưu Thị Ngọc Diệp	TS. Vũ Văn Tuyền	
6.	DL007	Tâm lý khách du lịch	Tourist psychology	3	0	Trắc nghiệm	ThS. Lê Bá Thành	ThS. Trần Thị Vân	
7.	DL008	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	Tourism teambuilding skill	1	2	Thực hành	ThS. Vũ Thị Thủy	ThS. Vũ Thị Huyền	
8.	DL009	Văn hóa ẩm thực	Culinary culture	3	0	Trắc nghiệm	ThS. Trịnh Xuân Phương		TS. Tạ Thị Thủy
9.	DL012	Du lịch bền vững	Sustainable Tourism	2	0	Trắc nghiệm	ThS. Nguyễn Thị Giang	ThS. Trịnh Xuân Phương	
10.	DL013	Du lịch văn hóa	Cultural Tourism	3	0	Tự luận	TS. Nguyễn Trúc Quỳnh	ThS. Trịnh Xuân Phương	
11.	DL014	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch	Application of information technology in tourism	1	1	Thực hành	ThS. Đỗ Thị Hằng	ThS. Lưu Vũ Nam	
12.	DL015	Lễ tân ngoại giao	Diplomatic protocol	2	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Bưởi	ThS. Nguyễn Thị Giang	
13.	DL016	Văn hóa giao tiếp	Communitive culture	1	2	Thực hành	ThS. Lê Bá Thành	ThS. Lê Thị Hương	
14.	DL023	Kinh doanh du lịch trực tuyến	Online tourism business	2	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Giang	ThS. Vũ Thị Thủy	
15.	DL024	Du lịch cộng đồng	Community-based tourism	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Giang	ThS. Trịnh Xuân Phương	

16.	DL026	Nghệp vụ thuyết minh tại điểm	Tourist attraction Presentations Profession	1	2	Thực hành	TS. Nguyễn Trúc Quỳnh	ThS. Lưu Thị Ngọc Diệp	
17.	DL027	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	Tourist guide profession	1	2	Thực hành	TS. Vũ Văn Tuyền	TS. Nguyễn Trúc Quỳnh	ThS. Lưu Thị Ngọc Diệp
18.	DL028	Quản lý Nhà nước về du lịch	State management of tourism	2	0	Trắc nghiệm	TS. Vũ Văn Tuyền	TS. Nguyễn Trúc Quỳnh	
19.	DL025	Tổ chức hoạt động hoạt náo	Organizeing cheerleading activities	0	2	Thực hành	ThS.Vũ Thị Thủy	ThS.Vũ Thị Huyền	
20.	DL020	Thực tế nghề nghiệp 1 (Thực tế miền Bắc)	Professional practice 1 (Northern field trip)	0	2	Thực hành	Bộ môn Du lịch		
21.	DL021	Thực tế nghề nghiệp 2 (Thực tế miền Nam)	Professional practice 1 (Southern field trip)	0	2	Thực hành	Bộ môn Du lịch		
22.	DL030	Thực tế nghề nghiệp	Professional practice	0	2	Thực hành	Bộ môn Du lịch		
23.	DL017	Thực tập doanh nghiệp 1	Corporate Internship 1	0	2	Thực hành	Bộ môn Du lịch		
24.	DL018	Thực tập doanh nghiệp 2	Corporate Internship 2	0	2	Thực hành	Bộ môn Du lịch		

25.	DL022	Thực tập tốt nghiệp	Final internship	0	7	Thực hành	Bộ môn Du lịch
26.	DL029	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation report	0	3	Báo cáo	

9. Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Academic division of travel service management) – 17 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	QLH001	Quản trị học	Management study	3	0	Tự luận	ThS. Trần Tiến	TS. Mai Anh Vũ	
2.	QLH002	Marketing Du lịch	Marketing	3	0	Trắc nghiệm	TS. Trần Nhật Hải		ThS. Cao Lan Phương
3.	QLH003	Kinh tế du lịch	Tourism economy	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Bưởi	Ths. Lê Thị Ngọc	
4.	QLH004	Quản trị dịch vụ	Service management	3	0	Tự luận	ThS. Trần Tiến		ThS. Lê Thị Ngọc
5.	QLH005	Quản trị chất lượng dịch vụ	Service quality management	3	0	Tự luận	ThS. Ngô Phương Thuý	TS. Trần Tiến	
6.	QLH 006	Quản trị nhân lực du lịch	Human resource management	3	0	Tự luận	ThS. Ngô Phương Thuý	ThS. Vũ Thị Thủy	
7.	QLH007	Quản trị kinh doanh lữ hành	Travel business management	3	0	Tự luận	ThS. Trần Tiến	ThS. Vũ Thị Thủy	

8.	QLH008	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Tour making and operation	1	2	Thực hành	TS. Vũ Văn Tuyền	ThS.Vũ Thị Thủy	ThS. Lưu Thị Ngọc Diệp
9.	QLH009	Quản trị thương hiệu	Brand management	3	0	Tự luận	ThS. Ngô Phương Thúy		ThS. Lê Thị Ngọc
10.	QLH010	Quản trị điểm đến du lịch	Tourist site management	3	0	Tự luận			ThS. Ngô Phương Thúy ThS. Lưu Thị Ngọc Diệp
11.	QLH012	Thực tế nghề nghiệp 1	Professional practice 1	0	2	Thực hành	Bộ môn QTDVDL&LH		
12.	QLH013	Thực tế nghề nghiệp 2	Professional practice 2	0	2	Thực hành	Bộ môn QTDVDL&LH		
13.	QLH021	Thực tế chuyên ngành	Internship	0	2	Thực hành	Bộ môn QTDVDL&LH		
14.	QLH015	Thực tập Doanh nghiệp 1	Corporate Internship 1	0	2	Thực hành	Bộ môn QTDVDL&LH		
15.	QLH016	Thực tập Doanh nghiệp 2	Corporate Internship 2	0	2	Thực hành	Bộ môn QTDVDL&LH		
16.	QLH014	Thực tập tốt nghiệp	Final internship	0	6	Thực hành	Bộ môn QTDVDL&LH		
17.	QLH020	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation report	0	3	Thực hành	Bộ môn QTDVDL&LH		

10. Bộ môn Quản trị khách sạn (Academic division of hotel management) – 22 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	QKS001	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	0	Trắc nghiệm	ThS. Lê Thị Ngọc	ThS. Hoàng Bá Khải	
2.	QKS002	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	2	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Ngọc	ThS. Lê Thị Yến Hằng	Chuyên gia
3.	QKS003	Thương mại điện tử căn bản	Basic e-commerce	3	0	Trắc nghiệm	Mai Anh Vũ	ThS. Hà Thị Lan (Mới tiếp cận)	
4.	QKS 004	Thanh toán quốc tế trong du lịch	International payment in tourism	2	1	Trắc nghiệm	ThS. Lê Thị Ngọc	ThS. Lê Thị Yến Hằng ThS. Cao Lan Phương (Mới tiếp cận)	
5.	QKS005	Tổng quan khách sạn	Hotel overview	3	0	Tự luận	ThS. Vũ Thị Thủy	ThS. Lê Thị Bưởi	
6.	QKS006	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Business transaction and negotiation	2	1	Tự luận	ThS. Mai Anh Vũ	ThS. Hà Thị Lan (Mới tiếp cận)	Chuyên gia
7.	QKS007	Quản trị kinh doanh khách sạn	Hotel management	3	0	Tự luận	ThS. Trần Nhật Hải	ThS. Nguyễn Văn Tương (Mới tiếp cận)	

8.	QKS008	Quản trị lễ tân khách sạn	Hotel reception management	1	2	Thực hành	ThS. Lê Thị Bưởi	ThS. Nguyễn Thị Giang	Chuyên gia
9.	QKS009	Quản trị buồng khách sạn	Hotel room management	1	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Thị Giang	ThS. Lê Thị Bưởi	
10.	QKS010	Quản trị chế biến món ăn	Food processing management	1	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Văn Tương	ThS. Trịnh Xuân Phương	
11.	QKS011	Quản trị nhà hàng	Restaurant services management	1	2	Thực hành	ThS. Lê Thị Bưởi	ThS. Nguyễn Thị Giang	
12.	QKS012	An ninh khách sạn		2	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Giang	ThS. Nguyễn Văn Tương	
13.	QKS013	Quản trị khu Resort	Resort management	1	1	Tự luận	ThS. Vũ Thị Thủy	ThS. Lê Thị Ngọc	
14.	QKS018	Quản trị Bar và đồ uống	Bar and Drink Management	1	2	Thực hành	Chuyên gia	ThS. Hoàng Thị Duyên	
15.	QKS022	Quản trị du lịch MICE	MICE tourism management	2	0	Tự luận			ThS. Ngô Phương Thúy ThS. Lê Thị Yến Hằng
16.	QKS024	Quản trị cơ sở lưu trú du lịch	Management of tourist accommodations	2	0	Tự luận	ThS. Trần Nhật Hải	ThS. Lê Thị Ngọc ThS. Lê Thị Yến Hằng	

17.	QKS025	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị khách sạn	IT application in Hotel Management	0	2	Trắc nghiệm	ThS. Lê Ngọc Hoàn		
18.	QKS020	Thực tế nghề nghiệp 1 Internship 1	Professional practice 1	0	2	Thực hành	Bộ môn Quản trị khách sạn		
19.	QKS021	Thực tế nghề nghiệp 2 Internship 2	Professional practice 2	0	2	Thực hành	Bộ môn Quản trị khách sạn		
20.	QKS014	Thực tập doanh nghiệp	Corporate Internship 1	0	4	Thực hành	Bộ môn Quản trị khách sạn		
21.	QKS016	Thực tập tốt nghiệp Final internship	Final internship	0	6	Thực hành	Bộ môn Quản trị khách sạn		
22.	QKS026	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation report	0	2	Báo cáo	Bộ môn Quản trị khách sạn		

11. Bộ môn Giáo dục thể chất (Physical education teachers) – 44 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	GDTC	Giáo dục thể chất	Physical Education	0	5	Thực hành	TS. Trịnh Ngọc Trung	GV trong bộ môn	
2.	GDQP	Quốc phòng – An ninh	National Defence Education	0	165 t	Tự luận, Thực hành	Theo kế hoạch		

3.	GTC001	Lý luận và phương pháp GDTC	Theory and Methods of Physical Education	3	0	Tự luận	TS. Tô Thị Hương	TS. Trịnh Ngọc Trung TS. Đồng Hương Lan	
4.	GTC002	Quản lý Thể dục thể thao	Sport Management	2	0	Tự luận	ThS. Phạm Cẩm Hùng	TS. Trịnh Ngọc Trung	
5.	GTC003	Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp sức, nhảy xa) và phương pháp giảng dạy	Athletics (Average run, Sprint, Relay race, Long jump) and Teaching Methods	0	4	Thực hành	ThS. Nguyễn Thành Trung	TS. Trịnh Ngọc Trung	
6.	GTC004	Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ) và phương pháp giảng dạy	Athletics (High jump, Handball, Shot Put) và Teaching Methods	0	4	Thực hành	TS. Trịnh Ngọc Trung	ThS. Nguyễn Thành Trung	
7.	GTC005	Công tác Đoàn – Đội và Trò chơi vận động	Practice of the Communist Youth Union and the Young Pioneers and Movement games	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	ThS. Dương Đình Tiến	
8.	GTC006	Thể dục và phương pháp giảng dạy	Gymnastics and Teaching methods	0		Thực hành	ThS. Dương Đình Tiến	TS. Tô Thị Hương	
9.	GTC007	Bóng đá và phương pháp giảng dạy	Football and Teaching methods	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Công Thành	ThS. Lê Đăng An	
10.	GTC008	Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy	Volleyball and Teaching methods	0	3	Thực hành	ThS. Lê Đăng An	ThS. Nguyễn Thành Trung	
11.	GTC009	Bóng bàn và phương pháp giảng dạy	Ping-pong and Teaching methods	0	3	Thực hành	ThS. Phan Hồng Thái	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	
12.	GTC010	Bóng rổ và phương pháp giảng dạy	Volleyball and Teaching methods	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	ThS. Lê Đăng An	

13.	GTC011	Cầu lông và phương pháp giảng dạy	Badminton and Teaching methods	0	3	Thực hành	ThS. Lê Thị Thanh :Loan	TS. Trịnh Ngọc Trung	
14.	GTC012	Võ thuật và phương pháp giảng dạy	Martial Arts and Teaching methods	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thành Trung	ThS. Đặng Thế Hanh	
15.	GTC013	Aerobic và phương pháp giảng dạy	Aerobics and Teaching methods	0	2	Thực hành	ThS. Dương Đình Tiến	TS. Tô Thị Hương	
16.	GTC014	Đá cầu và phương pháp giảng dạy	Shuttlecock kicking and Teaching methods	0	2	Thực hành	ThS. Đặng Thế Hanh	ThS. Nguyễn Công Thành	
17.	GTC015	Bơi lội và phương pháp giảng dạy	Swimming and Teaching methods	0	2	Thực hành	ThS. Phạm Thị Hồng	ThS. Lê Đăng An	
18.	GTC016	Khiêu vũ TT và phương pháp giảng dạy	Dance sport and Teaching methods	0	2	Thực hành	TS. Tô Thị Hương	ThS. Nguyễn Thành Trung	
19.	GTC017	Cờ vua và phương pháp giảng dạy	Chess and Teaching methods	0	2	Thực hành	ThS. Đặng Thế Hanh	ThS. Phạm Thị Hồng	
20.	GTC018	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	Intensive Sports Football 1	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Công Thành	ThS. Lê Đăng An	
21.	GTC019	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	Intensive Sports Football 2	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Công Thành	ThS. Lê Đăng An	
22.	GTC019	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	Intensive Sports Football 3	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Công Thành	ThS. Lê Đăng An	
23.	GTC020	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 4	Intensive Sports Football 4	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Công Thành	ThS. Lê Đăng An	

24.	GTC021	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1	Intensive Sports Volleyball 1	0	3	Thực hành	ThS. Lê Đăng An	ThS. Nguyễn Thành Trung	
25.	GTC022	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 2	Intensive Sports Volleyball 2	0	3	Thực hành	ThS. Lê Đăng An	ThS. Nguyễn Thành Trung	
26.	GTC023	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 3	Intensive Sports Volleyball 3	0	3	Thực hành	ThS. Lê Đăng An	ThS. Nguyễn Thành Trung	
27.	GTC024	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	Intensive Sports Volleyball 4	0	3	Thực hành	ThS. Lê Đăng An	ThS. Nguyễn Thành Trung	
28.	GTC025	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	Intensive Sports Basketball 1	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	ThS. Lê Đăng An	
29.	GTC026	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	Intensive Sports Basketball 2	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	ThS. Lê Đăng An	
30.	GTC027	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3	Intensive Sports Basketball 3	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	ThS. Lê Đăng An	
31.	GTC028	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	Intensive Sports Basketball 4	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	ThS. Lê Đăng An	
32.	GTC029	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1	Intensive Sports Ping – Pong 1	0	3	Thực hành	ThS. Phan Hồng Thái	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	

33.	GTC030	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 2	Intensive Sports Ping – Pong 2	0	3	Thực hành	ThS. Phan Hồng Thái	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	
34.	GTC031	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 3	Intensive Sports Ping – Pong 3	0	3	Thực hành	ThS. Phan Hồng Thái	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	
35.	GTC032	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4	Intensive Sports Ping – Pong 4	0	3	Thực hành	ThS. Phan Hồng Thái	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	
36.	GTC033	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1	Intensive Sports Badminton 1	0	3	Thực hành	ThS. Lê Thị Thanh :Loan	TS. Trịnh Ngọc Trung	
37.	GTC034	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2	Intensive Sports Badminton 2	0	3	Thực hành	ThS. Lê Thị Thanh :Loan	TS. Trịnh Ngọc Trung	
38.	GTC035	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 3	Intensive Sports Badminton 3	0	3	Thực hành	ThS. Lê Thị Thanh :Loan	TS. Trịnh Ngọc Trung	
39.	GTC036	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 4	Intensive Sports Badminton 4	0	3	Thực hành	ThS. Lê Thị Thanh :Loan	TS. Trịnh Ngọc Trung	
40.	GTC037	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	Intensive Sports Martial Arts 1	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thành Trung	ThS. Đặng Thế Hanh	
41.	GTC038	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	Intensive Sports Martial Arts 2	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thành Trung	ThS. Đặng Thế Hanh	

42.	GTC039	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	Intensive Sports Martial Arts 3	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thành Trung	ThS. Đặng Thế Hanh	
43.	GTC040	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	Intensive Sports Martial Arts 4	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thành Trung	ThS. Đặng Thế Hanh	
44.	GTC041	Aerobic dành cho trẻ mầm non	Aerobic for preschool children	0	2	Thực hành	ThS. Dương Đình Tiến	TS. Tô Thị Hương	
45.	GTC042	Kiến tập sư phạm	Pedagogical practice	0	3	Thực hành	Bộ môn GDTC		
46.	GTC043	Thực tập sư phạm	Pedagogical internship	0	4	Thực hành	Bộ môn GDTC		
47.	GTC044	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation Report	0	3	Báo cáo	Bộ môn GDTC		

12. Bộ môn Quản lý Thể dục thể thao (Academic division of sports management) – 32 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	QTT001	Tâm lý Thể dục thể thao	Sports psychology	2	0	Trắc nghiệm	ThS. Mai Thị Thanh Vân	ThS. Lê Thị Hồng	
2.	QTT002	Giải phẫu học Thể dục thể thao	Sports anatomy	3	0	Vấn đáp	ThS. Nguyễn Thành Trung	ThS. Phạm Thị Hải Yến	
3.	QTT003	Thống kê và đo lường Thể dục thể thao	Sports measurement	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Phụng	ThS. Phùng Thị Thúy Phương	
4.	QTT005	Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao	Sports theory and methods	3	0	Tự luận	TS. Tô Thị Hương	TS. Trịnh Ngọc Trung TS. Đồng Hương Lan	

5.	QTT007	Sinh lý học Thể dục thể thao	Sports physiology	3	0	Tự luận	ThS. Phạm Thị Hải Yến	ThS. Lê Văn Dũng	
6.	QTT008	Sinh hoá học Thể dục thể thao	Sports biochemistry	3	0	Tự luận	ThS. Phạm Thị Hải Yến	ThS. Lê Văn Dũng	
7.	QTT009	Vệ sinh Thể dục thể thao	Sports sanitation	2	0	Tự luận	ThS. Phạm Thị Hải Yến	ThS. Lê Văn Dũng	
8.	QTT010	Điền kinh	Athletics	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thành Trung	TS. Trịnh Ngọc Trung	
9.	QTT011	Thể dục	Gymnastics	0	3	Thực hành	ThS. Dương Đình Tiến	TS. Tô Thị Hương	
10.	QTT012	Bóng đá	Soccer	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Công Thành	ThS. Lê Đăng An	
11.	QTT013	Bóng chuyền	Volleyball	0	3	Thực hành	ThS. Lê Đăng An	ThS. Nguyễn Thành Trung	
12.	QTT014	Đá cầu	Shuttlecock	0	3	Thực hành	ThS. Đặng Thế Hanh	ThS. Nguyễn Công Thành	
13.	QTT015	Bóng rổ	Basketball	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	ThS. Lê Đăng An	
14.	QTT016	Cầu lông	Badminton	0	3	Thực hành	ThS. Lê Thị Thanh Loan	Trịnh Ngọc Trung	
15.	QTT017	Bóng bàn	Table tennis	0	3	Thực hành	ThS. Phan Hồng Thái	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	
16.	QTT018	Võ thuật	Martial arts	0	3	Thực hành	ThS. Nguyễn Thành Trung	ThS. Đặng Thế Hanh	
17.	QTT019	Aerobic	Aerobic	0	3	Thực hành	ThS. Dương Đình Tiến	TS. Tô Thị Hương	
18.	QTT020	Khiêu vũ thể thao	Sports dance	0	2	Thực hành	TS. Tô Thị Hương	ThS. Nguyễn Thành Trung	

19.	QTT022	Quản lý thể thao quần chúng và thành tích cao	Management of mass sports and high performance	3	0	Tự luận	ThS. Lê Đăng An	ThS. Nguyễn Thành Trung	
20.	QTT023	Quản lý báo chí và truyền thông thể dục thể thao	Management of press and sports media	3	0	Tự luận	TS. Trịnh Ngọc Trung		ThS. Nguyễn Thanh Tâm ThS. Nguyễn Công Thành
21.	QTT024	Quản lý sân bãi, công trình và kinh doanh thể dục thể thao	Management of yards, constructions and sports business	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thành Trung	ThS. Lê Đăng An	
22.	QTT025	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	Sports Planning	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thanh Tâm	ThS. Phan Hồng Thái	
23.	QTT026	Cờ vua	Sports dance	0	3	Thực hành	ThS. Đặng Thế Hanh	ThS. Phạm Thị Hồng	
24.	QTT027	Trò chơi vận động	Games	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Thành Trung	ThS. Đặng Thế Hanh	
25.	QTT028	Phương pháp tổ chức các hoạt động thi đấu thể dục thể thao	Methods of organizing sports activities	0	4	Thực hành	TS. Trịnh Ngọc Trung	ThS. Phan Hồng Thái	
26.	QLT029	Bơi lội	Swimming	0	2	Thực hành	ThS. Phạm Thị Hồng	ThS. Lê Đăng An	
27.	QTT033	Nghiệp vụ sư phạm Thể dục thể thao	Sports pedagogy profession	0	2	Thực hành	TS. Trịnh Ngọc Trung	ThS. Nguyễn Thành Trung	
28.	QTT037	Quần vợt	Tennis	0	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Công Thành	ThS. Phan Hồng Thái	
29.	QTT038	Thể thao trường học và lịch sử TDTT	School sports and the history of sport	3	0	Tự luận	TS. Tô Thị Hương	ThS. Nguyễn Công Thành	

30.	QTT039	Khiêu vũ (QLVH)	Dance	0	2	Thực hành	TS. Tô Thị Hương	ThS. Nguyễn Thành Trung	
31.	QTT035	Thực tế chuyên ngành	Professional practice	0	3	Thực hành	Bộ môn QLTDĐT		
32.	QTT034	Thực tập cuối khóa	Final internship	0	5	Thực hành	Bộ môn QLTDĐT		
33.	QTT039	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation report	0	4	Báo cáo	Bộ môn QLTDĐT		

13. Bộ môn Ngoại ngữ (Foreign Language) – 42 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	NN001	Tiếng Anh 1	English 1	3	0	Trắc nghiệm	ThS. Lê Quốc Nguyên	TS. Lê Thanh Hà TS. Hoàng Thị Huệ TS. Ng T Hồng Lê ThS. Tào T. Thu Thảo ThS. Ng T Hồng Hạnh ThS. Ng T. Thương Hiền GV tuyển mới	
2.	NN002	Tiếng Anh 2	English 2	3	0	Trắc nghiệm	ThS. Lê Quốc Nguyên	TS. Lê Thanh Hà TS. Hoàng Thị Huệ TS. Ng T Hồng Lê ThS. Tào T. Thu Thảo ThS. Ng T Hồng Hạnh ThS. Ng T. Thương Hiền GV tuyển mới	

3.	NN006	Tiếng Anh 3	English 3	3	0	Trắc nghiệm	ThS. Lê Quốc Nguyên	TS. Lê Thanh Hà TS. Hoàng Thị Huệ TS. Ng T Hồng Lê ThS. Tào T. Thu Thảo ThS. Ng T Hồng Hạnh ThS. Ng T. Thương Hiền GV tuyển mới	
4.	NN003	Tiếng Trung Quốc 1	Chinese 1	3	0	Vấn đáp	ThS. Nguyễn T.Hường		Nguyễn T. Thùy Dung
5.	NN004	Tiếng Trung Quốc 2	Chinese 2	3	0	Vấn đáp	ThS. Nguyễn T.Hường		Nguyễn T. Thùy Dung
6.	NN005	Tiếng Trung Quốc 3	Chinese 3	3	0	Vấn đáp	ThS. Nguyễn T.Hường		Nguyễn T. Thùy Dung
7.	TA001	Ngữ pháp tiếng Anh	English Grammar	4	0	Tự luận	ThS. Tào T. Thu Thảo	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS. Lê Quốc Nguyên
8.	TA002	Ngữ nghĩa Tiếng Anh	English Semantics	3	0	Tự luận	ThS. Ng T. Hồng Hạnh	ThS. Lê Quốc Nguyên	TS. Ng Thị Hồng Lê
9.	TA003	Văn học Anh-Mỹ	Britain and American literature	3	0	Tự luận	TS. Hoàng Thị Huệ	TS. Ng T. Hồng Lê	ThS. Ng. T Hồng Hạnh
10.	TA004	Đất nước học Anh – Mỹ	British – American Studies	3	0	Tự luận	TS. Hoàng Thị Huệ	TS. Ng T. Hồng Lê GV tuyển mới	ThS. N. T T Thương Hiền

11.	TA 005	Ngữ âm – Âm vị học tiếng Anh	Phonetics and phonology	3	0	Tự luận	ThS. Ng T. Hồng Hạnh	ThS. Ng T Thương Hiền	TS. Hoàng Thị Huệ
12.	TA006	Nghe cơ sở 1	Listening 1	0	3	Thực hành	ThS. Ng T. Hồng Hạnh	ThS. Ng T. Thương Hiền	TS. Ng Thị Hồng Lê
13.	TA007	Nói cơ sở 1	Speaking 1	0	3	Thực hành	ThS. Ngx T. Thương Hiền	ThS. Ng T. Hồng Hạnh	TS. Hoàng Thị Huệ
14.	TA008	Đọc cơ sở 1	Reading 1	0	3	Thực hành	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS. Tào T. Thu Thảo GV tuyển mới	ThS.Ng Thị Hồng Hạnh
15.	TA009	Viết cơ sở 1	Writing 1	0	3	Thực hành	ThS. Tào T. Thu Thảo	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS.Ng Thị Thương Hiền
16.	TA010	Nghe cơ sở 2	Listening 2	0	3	Thực hành	ThS. Ng T. Hồng Hạnh	ThS. Ng T. Thương Hiền	TS. Ng Thị Hồng Lê
17.	TA011	Nói cơ sở 2	Speaking 2	0	3	Thực hành	ThS. Ng T. Thương Hiền	ThS. Ng T. Hồng Hạnh	TS. Hoàng Thị Huệ
18.	TA012	Đọc cơ sở 2	Reading 2	0	3	Thực hành	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS. Tào T. Thu Thảo GV tuyển mới	ThS. Ng Thị Hồng Hạnh
19.	TA013	Viết cơ sở 2	Writing 2	0	3	Thực hành	ThS. Tào T. Thu Thảo	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS.Ng Thị Thương Hiền

20.	TA014	Nghe nâng cao 1	Advanced listening 1	0	3	Thực hành	ThS. Ng T. Hồng Hạnh	ThS. Ngx T. Thương Hiền	TS. Ng Thị Hồng Lê
21.	TA015	Nói nâng cao 1	Advanced speaking 1	0	3	Thực hành	ThS. Ng T. Thương Hiền	ThS. Ngx T. Hồng Hạnh	TS. Hoàng Thị Huệ
22.	TA016	Đọc nâng cao 1	Advanced reading 1	0	3	Thực hành	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS. Tào T. Thu Thảo GV tuyển mới	ThS.Ng Thị Hồng Hạnh
23.	TA017	Viết nâng cao 1	Advanced writing 1	0	3	Thực hành	ThS. Tào T. Thu Thảo	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS.Ng Thị Thương Hiền
24.	TA018	Nghe nâng cao 2	Advanced listening 2	0	3	Thực hành	ThS. Ng T. Hồng Hạnh	ThS. Ng T. Thương Hiền	TS. Ng Thị Hồng Lê
25.	TA019	Nói nâng cao 2	Advanced speaking 2	0	3	Thực hành	ThS. Ng T. Thương Hiền	ThS. Ng T. Hồng Hạnh	TS. Hoàng Thị Huệ
26.	TA020	Đọc nâng cao 2	Advanced reading 2	0	3	Thực hành	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS. Tào T. Thu Thảo GV tuyển mới	ThS.Ng Thị Hồng Hạnh
27.	TA021	Viết nâng cao 2	Advanced writing 2	0	3	Thực hành	ThS. Tào T. Thu Thảo	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS.Ng Thị Thương Hiền
28.	TA022	Biên dịch	Translation	0	3	Thực hành	TS. Hoàng Thị Huệ	ThS. Tào T. Thu Thảo	ThS.Lê Quốc Nguyên

29.	TA023	Phiên dịch	Interpretation	0	3	Thực hành	TS. Hoàng Thị Huệ	ThS. Ng T. Hồng Hạnh	TS. Ng Thị Hồng Lê
30.	TA024	Giao thoa văn hóa	Cross cultural communication	2	0	Tự luận	TS. Ng T. Hồng Lê	TS. Hoàng Thị Huệ	ThS.N. T Thương Hiền
31.	TA025	Ngôn ngữ học đối chiếu	Constrastive linguistics	2	0	Tự luận	TS. Lê Thanh Hà	TS. Hoàng Thị Huệ	ThS.Tào T Thu Thảo
32.	TA027	Tiếng Anh Văn phòng	English for officer career	2	0	Vấn đáp	TS. Ng T. Hồng Lê	ThS. Tào T. Thu Thảo	TS. Hoàng Thị Huệ
33.	TA028	Tiếng Anh Du lịch	English for tourism	2	0	Vấn đáp	TS. Lê Thanh Hà	TS. Hoàng Thị Huệ	ThS.Ng Thị Thương Hiền
34.	TA029	Tiếng Anh Luật	English for lawyer	2	0	Tự luận	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS. Ng T. Hồng Hạnh GV tuyển mới	TS. Ng Thị Hồng Lê
35.	TA030	Tiếng Anh Thương mại	English for commerce	2	0	Tự luận	TS. Ng T. Hồng Lê	ThS. Tào T. Thu Thảo GV tuyển mới	ThS.Tào T Thu Thảo
36.	TA 035	Phân tích diễn ngôn	Discourse Analysis	2	0	Tự luận	ThS. Ng T Thương Hiền	ThS. Nguyễn T Hồng Hạnh	TS. Ng Thị Hồng Lê
37.	TA 036	Ngữ dụng học	Pragmatics	2	0	Tự luận	ThS. Lê Quốc Nguyên	ThS. Tào. T Thu Thảo	ThS.Ng T Hồng Hạnh

38.	TA031	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	English for tourism 1	3	0	Vấn đáp	TS. Lê Thanh Hà	TS. Hoàng Thị Huệ	ThS. Ng T. Thương Hiền
39.	TA032	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	English for tourism 2	3	0	Vấn đáp	TS. Lê Thanh Hà	TS. Hoàng Thị Huệ	ThS. Ng T. Thương Hiền
40.	TA037	Thực tế chuyên ngành	Specialized Practice	3	0	Thực hành	Bộ môn Ngôn ngữ Anh		
41.	TA026	Thực tập nghề cuối khoá	Final Internship	5	0	Thực hành	Bộ môn Ngôn ngữ Anh		
42.	TA038	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation Report	8	0	Báo cáo	Bộ môn Ngôn ngữ Anh		

14. Bộ môn Luật (Academic division of law) – 46 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	ĐC007	Pháp luật đại cương	Introduction to laws	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Th.Lan Anh		1. ThS. Hà Diệu Thu Thảo 2. ThS. Bùi Đăng Thu Thủy
2.	LH001	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	History of the State and Law of Vietnam	3	0	Tự luận	ThS. Mai Nguyệt Minh		ThS. Bùi Đăng Thu Thủy
3.	LH003	Luật hành chính	Administrative law	4	0	Tự luận	TS. Hoàng Đình Hiền	ThS. Nguyễn Thị Lan Anh	

4.	LH004	Luật tổ tụng hành chính	Administrative law litigation	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Th.Lan Anh		TS. Hoàng Đình Hiến
5.	LH006	Luật Tố tụng hình sự	Criminal procedure law	3	0	Tự luận	ThS. Bùi Đăng Thu Thủy		ThS. Hà Diệu Thu Thảo
6.	LH008	Luật Tố tụng dân sự	Civil procedure law	3	0	Tự luận	ThS.NCS. Nguyễn Như Sơn		ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang
7.	LH009	Luật hôn nhân và gia đình	Marital and family law	3	0	Tự luận	ThS. Hà Diệu Thu Thảo	TS. Hoàng Đình Hiến	
8.	LH011	Luật lao động	Labor law	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Lan Anh	ThS. NCS. Nguyễn Như Sơn	
9.	LH012	Luật Tài chính	Finance law	3	0	Tự luận	ThS. Mai Nguyệt Minh		ThS. Lê Thị Vân Anh
10.	LH013	Luật học so sánh	Comparative law	2	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Vân Anh		ThS. Hà Diệu Thu Thảo
11.	LH014	Luật sở hữu trí tuệ	Intellectual property law	2	0	Tự luận, trắc nghiệm	ThS. Mai Nguyệt Minh		ThS.NCS. Nguyễn Như Sơn
12.	LH016	Học thuyết tam quyền phân lập	The doctrine of isolation	2	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Thảo Linh		ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang
13.	LH017	Xây dựng văn bản pháp luật	Law document building	3	0	Tự luận	ThS.NCS. Nguyễn Như Sơn		ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang

14.	LH018	Lý luận về Nhà nước pháp quyền	Theory of state rules	3	0	Tự luận	ThS.NCS. Lê Thị Thảo Linh		ThS. Nguyễn Th.Lan Anh
15.	LH019	Luật Hiến pháp nước ngoài	Foreign constitution law	3	0	Tự luận	ThS. Phùng Thị Quyên	Th.S. Lê Văn Công	
16.	LH020	Luật hành chính so sánh	Comparative administrative law	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Lan Anh		ThS.NCS. Lê Thị Thảo Linh
17.	LH022	Sự hạn chế quyền lực Nhà nước	Restriction of state power	2	0	Tự luận	TS. Nguyễn Thanh Bình	ThS. Phùng Thị Quyên	
18.	LH024	Luật an sinh xã hội	Social security law	2	0	Tự luận	ThS.NCS. Nguyễn Như Sơn	ThS. Nguyễn Thị Lan Anh	
19.	LH026	Pháp luật về thị trường chứng khoán	Stock market law	3	0	Tự luận	Th.S. Lê Văn Công	ThS. Nguyễn Quỳnh Khôi	
20.	LH027	Luật cạnh tranh	Competition law	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Quỳnh Khôi	ThS. Lê Anh Xuân	
21.	LH028	Luật đầu tư	Investment law	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Vân Anh		ThS. Mai Nguyệt Minh
22.	LH029	Giải quyết tranh chấp đất đai	Settlement of land disputes	2	0	Tự luận	ThS. Lê Anh Xuân		ThS. Lê Thị Vân Anh
23.	LH030	Pháp luật Doanh nghiệp	Businesslaw	2	0	Tự luận	ThS. Thiều Thị Kim	ThS.Mai Nguyệt Minh	

24.	LH031	Pháp luật hợp đồng thương mại	Commercial contract law	2	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Lan Anh	ThS.Mai Nguyệt Minh	
25.	LH032	Pháp luật về hợp đồng	Contract law	4	0	Tự luận	ThS.Phạm Thị Hoàn	ThS. Nguyễn Thị Lan Anh	
26.	LH033	Thủ tục tố tụng dân sự đặc biệt	Special civil procedures	3	0	Tự luận	ThS.NCS. Nguyễn Như Sơn		ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang
27.	LH034	Thi hành án dân sự	Civil enforcement	3	0	Tự luận	ThS.NCS. Nguyễn Như Sơn		ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang
28.	LH035	Thi hành án hình sự	Criminal execution	3	0	Tự luận	ThS. Hà Diệu Thu Thảo		ThS. Bùi Đặng Thu Thủy
29.	LH037	Chứng cứ	Evidences	2	0	Tự luận	ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang		ThS.NCS. Nguyễn Như Sơn
30.	LH038	Hoạt động tư pháp	Judicial activities	2	0	Tự luận	Phạm Thị Hoàn	ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang	
31.	LH041	Luật Đất đai	Land law	3	0	Tự luận			ThS. Lê Thị Vân Anh
32.	LH042	Công pháp quốc tế	Public international law	3	0	Tự luận	ThS. Bùi Đặng Thu Thủy		ThS. Hà Diệu Thu Thảo
33.	LH043	Tư pháp quốc tế	Private international law	3	0	Tự luận	ThS. Bùi Đặng Thu Thủy		ThS. Hà Diệu Thu Thảo

34.	LH044	Khoa học điều tra tội phạm	Criminal investigation science	3	0	Tự luận, trắc nghiệm	ThS. Bùi Đăng Thu Thủy		ThS. Hà Diệu Thu Thảo
35.	LH045	Luật sư, Công chứng, chứng thực	Lawyer, Notarization, Authentication	2	0	Tự luận	ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang		ThS. Hà Diệu Thu Thảo
36.	LH046	Tâm lý học tội phạm	Criminal psychology	2	0	Tự luận	ThS. Hà Diệu Thu Thảo		ThS. Bùi Đăng Thu Thủy
37.	LH047	Luật Hình sự 1	Criminal law	3	0	Tự luận	ThS. Hà Diệu Thu Thảo	ThS. Bùi Đ. Thu Thủy	
38.	LH048	Luật Hình sự 2	Criminal law	3	0	Tự luận	ThS. Hà Diệu Thu Thảo	ThS. Bùi Đ. Thu Thủy	
39.	LH049	Luật Dân sự 1	Civil law	3	0	Tự luận	ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang		ThS.NCS. Nguyễn Như Sơn
40.	LH050	Luật Dân sự 2	Civil law	3	0	Tự luận	ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang		ThS.NCS. Nguyễn Như Sơn
41.	LH051	Luật Thương mại 1	Commercial law	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Th.Lan Anh	ThS. Mai Nguyệt Minh	
42.	LH052	Luật Thương mại 2	Commercial law	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Th.Lan Anh	ThS. Mai Nguyệt Minh	
43.	LH053	Luật Hiến pháp	The constitution	4	0	Tự luận	ThS.NCS. Nguyễn Thị Thu Trang	ThS.NCS. Nguyễn Như Sơn	
44.	LH039	Thực tế nghề nghiệp Internship	Specialized Practice	0	4	Tiểu luận	Bộ môn Luật		

45.	LH040	Thực tập cuối khóa Final internship	Final Internship	0	5	Tiểu luận	Bộ môn Luật
46.	LH054	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation Report	0	6	Báo cáo	Bộ môn Luật

15. Bộ môn Quản lý Nhà nước (Academic division of state management) – 22 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	QN003	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	Administrative history of the vietnam state	3	0	Tự luận	ThS. Trịnh Thị Hậu	ThS. Lê Xuân Sơn	
2.	QN005	Công vụ - Công chức	Acts – civil servants	4	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Như Sơn	TS. Tạ Thị Thủy	
3.	QN006	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	Theories of state and law	3	0	Tự luận	ThS. Mai Nguyệt Minh	ThS. Bùi Đăng Thu	
4.	QN007	Hành chính công	Public administration	3	0	Tự luận	TS. Hoàng Đình Hiền	ThS. Lê Thị Thảo Linh	
5.	QN008	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	Organization of state administrative apparatus	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Lan Anh		ThS. Mai Nguyệt Minh
6.	QN009	Nhân sự hành chính nhà nước	Personnel of state administrative	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Thảo Linh	ThS. Nguyễn Như Sơn	

7.	QN010	Kỹ thuật điều hành công sở	Job management technology	3	0	Tự luận	PGS.TS. Nguyễn Thị Thục	ThS. Hoàng Bá Khải TS. Lê Thanh Hà	
8.	QN011	Quản lý nhà nước về kinh tế	State management of economy	3	0	Tự luận	ThS. Hoàng Bá Khải		ThS. Lê Thị Vân Anh
9.	QN012	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	Human resource management	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Hòa		ThS. Lê Thị Vân Anh
10.	QN013	Quản lý nhà nước về Hành chính – Tư pháp	State management of Administration - Justice	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang		ThS. Hà Diệu Thu Thảo
11.	QN014	Thủ tục hành chính	Administrative procedures	3	0	Tự luận	TS. Hoàng Đình Hiền	ThS. Lê Thị Thảo Linh	
12.	QN016	Hoạch định và phân tích chính sách công	Planning and analyzing public policies	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Hòa	ThS. Lê Thị Vân Anh	
13.	QN015	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý	Application of Information Technology in Management Activities	3	0	Tự luận	ThS. Hoàng Anh Công	ThS. Lê Ngọc Hoàn	
14.	QN017	Thanh tra hành chính	Inspection and settlement of administrative complaints	2	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Thảo Linh	TS. Hoàng Đình Hiền	ThS. Bùi Đăng Thu Thủy
15.	QN018	Quản lý nhà nước về Dân tộc và Tôn giáo	State management of ethnicity and religion	2	0	Tự luận	TS. Lê Thị Thảo	ThS. Hà Đình Hùng	

16.	QN023	Quản lý nhà nước về Đô thị - Nông thôn	Urban – Rural State Management	3	0	Tự luận	TS. Đoàn Văn Trường	ThS. Hoàng Thị Thu Hoa	
17.	QN024	Thẩm quyền hành chính	Administrative Authority	2	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Thảo Linh	TS. Hoàng Đình Hiến	
18.	QN025	Hành chính học so sánh	Comparative Administration	2	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Thảo Linh	TS. Hoàng Đình Hiến	
19.	QL026	Tâm lý học quản lý	Managerial psychology	3	0	Tự luận	TS. Nguyễn Thị Hồng	ThS. Trần Thị Vân	
20.	QN021	Thực tế nghề nghiệp	Specialized Practice	3	0	Thực hành	Bộ môn QLNN		
21.	QN022	Thực tập cuối khóa	Final Internship	5	0	Thực hành	Bộ môn QLNN		
22.	QN027	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation Report	5	0	Báo cáo	Bộ môn QLNN		

16. Bộ môn Quản lý Văn hóa (Academic division of cultural management) – 56 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận

1.	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Introduction to Vietnamese culture	3	0	Trắc nghiệm	TS. Hà Đình Hùng	ThS. Nguyễn Thị Hương	TS. Tạ Thị Thủy ThS. Nguyễn Thị Hằng ThS. Nguyễn Thị Thủy ThS. Bùi Thị Hậu
2.	ĐC014	Tiếng Việt thực hành	Vietnamese language practice	2	0	Trắc nghiệm	ThS. Hoàng Thị Kim Oanh	ThS. Hoàng Thanh Bình ThS. Nguyễn Thị Thái	
3.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific research method	2	0	Tự luận	TS. Nguyễn Thị Hà	ThS. Hoàng Thị Kim Oanh	
4.	QVH001	Dân tộc học	General ethnology	2	0	Tự luận	ThS. Bùi Thị Hậu		TS. Nguyễn Thế Anh
5.	QVH002	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam	Culture of Vietnamese Ethnic minorities	3	0	Trắc nghiệm	TS. Tạ Thị Thủy	ThS. Bùi Thị Hậu	
6.	QVH003	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	Vietnamese belief and religion	2	0	Tự luận	TS. Lê Thị Thảo	TS. Tạ Thị Thủy	
7.	QVH004	Văn hóa dân gian Việt Nam	Vietnamese folk culture	2	0	Tự luận	ThS. Hoàng Thị Kim Oanh	ThS. Lê Thị Hương	

8.	QVH005	Làng xã cổ truyền của người Việt	Traditional Vietnamese villages	3	0	Trắc nghiệm	TS. Lê Thị Thảo	ThS. Lưu Ngọc Diệp	
9.	QVH006	Khu vực học	Area Studies	2	0	Tự luận	TS. Tạ Thị Thủy		
10.	QVH007	Khoa học quản lý	Management Science	3	0	Trắc nghiệm	PGS. TS. Nguyễn Thị Thục		TS. Mai Anh Vũ
11.	QVH008	Văn hóa học	Culturology	2	0	Tự luận	TS. Hà Đình Hùng	TS. Nguyễn Trúc Quỳnh	
12.	QVH009	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Vietnam's historical progress	2	0	Trắc nghiệm	ThS. Lê Thị Hòa	ThS. Bùi Thị Hậu	
13.	QVH010	Quản lý nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch	State management of culture, sport & tourism	3	0	Tự luận	TS. Vũ Văn Tuyền	TS. Trịnh Ngọc Trung	
14.	QVH011	Quản lý Nhà nước về Văn hóa	State management of Culture	3	0	Tự luận	TS. Vũ Văn Tuyền	TS. Lê Thị Thảo	
15.	QVH012	Kinh tế học văn hóa	Economic cultural Studies	2	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thanh Nga	ThS. Nguyễn Thị Thủy	
16.	QVH014	Chính sách văn hóa Việt Nam	Vietnamese Cultural policies	3	0	Tự luận	PGS. TS. Nguyễn Thị Thục	ThS. Lê Thị Hòa	
17.	QVH015	Công nghiệp văn hóa	Cultural Industry	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga	ThS. Nguyễn Thị Thủy	

18.	QVH016	Maketing văn hóa nghệ thuật	Art - culture Marketing	3	0	Tự luận	ThS. Trần Nhật Hải	ThS. Nguyễn Thanh Nga	
19.	QVH020	Quản lý thiết chế văn hóa	Management of cultural institutions	4	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Thủy	ThS. Hà Đình Hùng	
20.	QVH021	Quản lý di sản văn hóa	Management of cultural heritage	4	0	Vấn đáp	TS. Lê Thị Thảo		
21.	QVH022	Tổ chức sự kiện	Event management	1	2	Thực hành	ThS. Vũ Thị Huyền	Nguyễn Văn Dũng	
22.	QVH023	Quản lý nguồn nhân lực văn hóa	Management of cultural human resource	4	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Hòa		TS. Tạ Thị Thủy
23.	QVH025	Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật	Management of art performance activities	4	0	Tự luận	ThS. Vũ Thị Huyền	ThS. Nguyễn Thị Thủy	
24.	QVH027	Xây dựng kế hoạch, dự án văn hóa	Building cultural project	4	0	Tự luận	PGS.TS. Nguyễn Thị Thục	ThS. Nguyễn Thị Thủy	
25.	QVH028	Xây dựng văn hóa cộng đồng	Building community culture	2	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Thủy	TS. Lê Thị Thảo	
26.	QVH030	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	Building an overall art program	0	4	Thực hành	ThS. Vũ Thị Huyền	ThS. Nguyễn Thị Lan	
27.	QVH032	Quản lý dịch vụ văn hóa	Cultural service Management	2	0	Tự luận	TS. Nguyễn Thanh Nga		ThS. Nguyễn Thị Thủy
28.	QVH035	Văn hóa Đông Nam Á	Southeast Asian Culture	2	0	Tự luận	TS. Nguyễn Văn Dũng	ThS. Hoàng Thu Hằng	

29.	QVH038	Xây dựng kịch bản sự kiện	Building event flow	1	2	Thực hành			ThS. Vũ Thị Huyền
30.	QVH040	Kỹ năng dẫn chương trình	Master of Ceremony Skills	0	2	Thực hành			ThS. Vũ Thị Huyền ThS. Lê Thị Thùy Dung
31.	QVH043	Xã hội học văn hóa	Culture sociology	2	0	Tự luận	TS. Lê Thị Thảo		TS. Nguyễn Thế Anh
32.	QVH044	Quản lý nhà nước về gia đình	State management of Family	4	0	Tự luận	TS. Nguyễn Thị Thái	ThS. Bùi Thị Hậu	
33.	QVH045	Kỹ năng giao tiếp	Communicative Skills	1	1	Thực hành	ThS. Lê Bá Thành	ThS. Mai Thị Thanh Vân	
34.	QVH046	Kỹ năng thuyết trình	Presentation Skills	1	1	Thực hành	TS. Lê Thanh Hà		ThS. Cao Lan Phương
35.	QVH047	Chính sách văn hóa trên thế giới	World cultural policies	4	0	Tự luận	PGS.TS. Nguyễn Thị Thục	ThS. Lê Thị Hòa	
36.	QVH048	Quản lý hoạt động mỹ thuật	Management of art activities	4	0	Tự luận	TS. Trần Việt Anh	ThS. Phạm Văn Thắng	
37.	QVH049	Pháp luật văn hóa	Cultural Law	4	0	Tự luận	PGS. TS. Nguyễn Thị Thục	TS. Hà Đình Hùng	
38.	QVH050	Quản lý hoạt động thông tin, truyền thông	Management of mass media activities	2	0	Tự luận	ThS. Tào Ngọc Biên	ThS. Nguyễn Thị Thủy	

39.	QVH051	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính	Techniques of drafting administrative documents	1	1	Thực hành	ThS. Hoàng Thị Kim Oanh	TS. Nguyễn Thị Hà	
40.	QVH052	Gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa - nghệ thuật	Fundraising in art- culture organizations	2	0	Tự luận			ThS. Nguyễn Thanh Nga ThS. Nguyễn Thị Thủy
41.	QVH054	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện	Planning events	1	2	Thực hành			ThS. Vũ Thị Huyền
42.	QVH055	Quản trị tài chính sự kiện	Event financial management	1	2	Thực hành			ThS. Trần Nhật Hải ThS. Lê Thị Ngọc
43.	QVH056	PR và truyền thông sự kiện	PR & Event Communication	1	2	Thực hành			ThS. Vũ Thị Huyền
44.	QVH057	Thực hành tổ chức sự kiện	Event organization	0	4	Thực hành	ThS. Vũ Thị Huyền		
45.	QVH058	Teambuilding	Teambuilding	0	2	Thực hành	ThS. Vũ Thị Thủy		ThS. Vũ Thị Huyền
46.	QVH060	Sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa	Collecting and documenting	2	2	Thực hành			TS. Hà Đình Hùng
47.	QVH061	Kiểm kê, xếp hạng di sản văn hóa	Inventory & rating cultural heritage	2	2	Thực hành			ThS. Bùi Thị Hậu
48.	QVH062	Trung bày, giới thiệu di sản văn hóa	Showing & introducing cultural heritage	2	2	Thực hành			TS. Tạ Thị Thủy

49.	QVH063	Phát huy giá trị di sản văn hóa	Promoting cultural heritage values	2	2	Thực hành			ThS. Lê Thị Hòa
50.	QVH064	Truyền thông di sản văn hóa	Cultural heritage Communication	1	1	Thực hành	GV mời		ThS. Vũ Thị Huyền
51.	QVH065	Ứng dụng công nghệ trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa	Applying technology in preserving and promoting cultural heritage values	1	1	Thực hành			ThS. Hoàng Anh Công ThS. Tào Ngọc Biên
52.	QVH066	Nguồn lực bảo tồn di sản văn hóa	Resources for preserving cultural heritage	2	0	Tự luận			TS. Tạ Thị Thủy ThS. Lê Thị Hòa
53.	QVH067	Phương pháp điền dã dân tộc học	Ethnographic Field methods	1	1				ThS. Bùi Thị Hậu TS. Nguyễn Thế Anh
54.	QVH019	Thực tế chuyên ngành	Field trip	0	3	Báo cáo	Bộ môn Quản lý Văn hoá		
55.	QVH034	Thực tập cuối khóa	Final Internship	0	5	Báo cáo	Bộ môn Quản lý Văn hoá		
56.	QVH068	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation Report	0	5	Báo cáo	Bộ môn Quản lý Văn hoá		

17. Bộ môn Công tác xã hội (Academic division of social work) – 30 học phần

TT	Mã	Tên môn/học	Dịch Tiếng	Số TC	Hình	Phân công giảng viên
----	----	-------------	------------	-------	------	----------------------

	học phần	phần	Anh	LT	TH	thức thi	GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	CT001	Xã hội học đại cương	General sociology	3	0	Tự luận	ThS. Hoàng Thị Thu Hoa	ThS. Trần Minh Thanh Hà	
2.	CT002	Tâm lí học xã hội	Social psychology	3	0	Tự luận	ThS. Lê Bá Thành	ThS. Nguyễn Thị Hồng Anh	
3.	CT003	Gia đình học và công tác xã hội trong gia đình	Family Studies and Social work in family	2	0	Tự luận			1. ThS. Lê Thùy Dung 2. ThS. Trần Minh Thanh Hà
4.	CT004	Nhập môn công tác xã hội	Introduction to social work	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thùy Dung	ThS. Trần Minh Thanh Hà	
5.	CT005	Lý thuyết công tác xã hội	Theories of social work	3	0	Tự luận	ThS. Trần Minh Thanh Hà	ThS. Lê Thùy Dung	
6.	CT006	Hành vi con người và môi trường xã hội	Human behavior and social environment	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thùy Dung	ThS. Lê Bá Thành	
7.	CT007	Giới và phát triển	Gender and development	2	0	Tự luận	ThS. Trần Minh Thanh Hà	ThS. Lê Thùy Dung	
8.	CT008	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	Introduction to Quantitative data processing	2	0	Tự luận	TS. Mai Anh Vũ	ThS. Nguyễn Thị Phượng	
9.	CT009	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	Research Methods for Social work	4	0	Tự luận	ThS. Hoàng Thị Thu Hoa	TS. Đoàn Văn Trường	

10.	CT010	Công tác xã hội cá nhân	Personal social work	4	0	Tự luận	ThS. Trần Minh Hà	TS. Đoàn Văn Trường	
11.	CT011	Công tác xã hội nhóm	Group social work	4	0	Tự luận	TS. Đoàn Văn Trường	ThS. Trần Minh Thanh Hà	
12.	CT012	Phát triển cộng đồng	Community development	4	0	Tự luận	ThS. Hoàng Thị Thu Hoa	ThS. Trần Minh Thanh Hà	
13.	CT013	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Mass media sociology and public opinion	3	0	Tự luận	TS. Đoàn Văn Trường	ThS. Hoàng Thị Thu Hoa	
14.	CT014	Tham vấn trong công tác xã hội	Consultation and consultation practice	3	0	Tự luận	ThS. Hoàng Thị Thu Hoa		
15.	CT015	Đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội	Professional ethics in social work	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thùy Dung		
16.	CT016	Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình	Social work in the field of gender equality and preventing domestic violence	4	0	Tự luận	ThS. Hoàng Thị Thu Hoa	ThS. Lê Thùy Dung	

17.	CT017	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	Construction and management of social work projects	4	0	Tự luận	TS. Đoàn Văn Trường	ThS. Hoàng Thị Thu Hoa	
18.	CT018	Chính sách xã hội	Social policies	4	0	Tự luận	TS. Đoàn Văn Trường	PGS. TS. Nguyễn Thị Thục	
19.	CT019	An sinh xã hội	Social security	3	0	Tự luận	TS. Đoàn Văn Trường	PGS. TS. Nguyễn Thị Thục	
20.	CT021	Công tác xã hội với trẻ em	Social work with children	2	0	Tự luận	ThS. Trần Minh Thanh Hà	ThS. Mai Thanh Vân	
21.	CT024	Công tác xã hội với người nghèo	Social work with the poor	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thùy Dung		TS. Nguyễn Thế Anh
22.	CT025	Công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số	Social work with ethnic minority groups	2	0	Tự luận	ThS. Hoàng Thị Thu Hoa		TS. Nguyễn Thế Anh
23.	CT026	Công tác xã hội trong bệnh viện	Social work in the hospital	2	0	Tự luận	ThS. Lê Thùy Dung	TS. Đoàn Văn Trường	
24.	CT027	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV	Social work with drug, prostitution and hiv	3	0	Tự luận	ThS. Trần Minh Thanh Hà		TS. Nguyễn Thế Anh
25.	CT028	Công tác xã hội trong trường học	Social work in the school	2	0	Tự luận	TS. Đoàn Văn Trường	ThS. Lê Thùy Dung	
26.	CT029	Thực hành công tác xã hội cá nhân	Personal social work in practice	0	4	Thực hành	Bộ môn Công tác xã hội		

27.	CT030	Thực hành công tác xã hội nhóm	Group social work in practice	0	4	Thực hành	Bộ môn Công tác xã hội
28.	CT020	Thực hành phát triển cộng đồng	Community development in practice	0	4	Thực hành	Bộ môn Công tác xã hội
29.	CT031	Thực tập cuối khóa	Final internship	0	5	Thực hành	Bộ môn Công tác xã hội
30.	CT032	Báo cáo tốt nghiệp	Final internship	0	5	Báo cáo	Bộ môn Công tác xã hội

18.(communication technology) – 55 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	CNT002	Lý thuyết truyền thông	Media theory	3	0	Lý thuyết			ThS. Hoàng Thị Thu Hằng
2.	CNT003	Ngôn ngữ truyền thông	Media language	3	0	Lý thuyết			ThS. Hoàng Thị Thu Hằng
3.	CNT004	Các loại hình truyền thông	Media types	3	0	Lý thuyết	ThS. Lê Văn Cường		
4.	CNT005	Quan hệ công chúng	Public Relations	3	0	Lý thuyết			TS. Tạ Thị Thủy
5.	CNT006	Công chúng truyền thông	Public Media	3	0	Lý thuyết			TS. Tạ Thị Thủy
6.	CNT007	Xã hội học truyền thông	Media sociology	3	0	Lý thuyết	TS. Đoàn Văn Trường	ThS. Hoàng Thị Thu Hoa	

7.	CNT008	Tâm lý học truyền thông	Media psychology	3	0	Lý thuyết			ThS. Lê Bá Thành
8.	CNT009	Pháp luật và đạo đức truyền thông	Law and moral Media	3	0	Lý thuyết	TS. Tạ Thị Thủy		
9.	CNT012	Bố cục và màu sắc	Layout and color	0	2	Thực hành	TS. Trần Việt Anh		
10.	CNT014	Kỹ thuật quảng cáo	Advertising techniques	1	1	Thực hành			ThS. Trần Đình Lộc
11.	CNT017	Thiết kế ấn phẩm truyền thông	Designing media publications	1	2	Thực hành			ThS. Trần Đình Lộc ThS. Bùi Đức Chung
12.	CNT019	Đồ họa truyền thông	Media graphics	2	2	Thực hành	ThS. Bùi Đức Chung	ThS. Nguyễn Phi Trường	
13.	CNT020	Sản xuất audio và video truyền thông	Media audio and video production	2	2	Thực hành			ThS. Hoàng Anh Công
14.	CNT021	Truyền thông doanh nghiệp và tiếp thị	Business Media and marketing	3	0	Lý thuyết			ThS. Trần Tiến Trần Nhật Hải
15.	CNT022	Kỹ năng viết truyền thông	Communication writing skills	3	0	Lý thuyết			TS. Nguyễn Thị Hà ThS. Hoàng Thị Kim Oanh
16.	CNT023	Xây dựng và quản lý chiến dịch truyền thông	Building and managing media campaigns	3	0	Lý thuyết			GV tuyển mới

17.	CNT024	Truyền thông Internet	Internet Media	2	0	Lý thuyết	ThS. Lê Văn Cường		
18.	CNT025	Thực hành triển khai dự án truyền thông	Implementing media projects	1	2	Thực hành			GV tuyển mới
19.	CNT026	Quản trị nội dung Website	Website content management	1	2	Thực hành			ThS. Lê Ngọc Hoàn
20.	CNT027	An toàn và bảo mật thông tin	Information safety and security	3	0	Lý thuyết	ThS. Đỗ Thị Hằng		
21.	CNT028	Kỹ thuật nhiếp ảnh	Photography techniques	1	2	Thực hành			GV tuyển mới
22.	CNT029	Kỹ thuật quay phim	Filming techniques	1	2	Thực hành			GV tuyển mới
23.	CNT030	Xây dựng và phát triển thương hiệu	Building and developing brands	2	0	Lý thuyết			ThS. Trần Tiến TS. Trần Nhật Hải
24.	CNT031	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Handling media crisis	2	0	Lý thuyết			GV tuyển mới
25.	CNT032	Truyền thông đa phương tiện	Multimedia communications	1	2	Thực hành	ThS. Hoàng Anh Công		
26.	CNT033	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	Mass media and public opinion	2	0	Lý thuyết	TS. Đoàn Văn Trường		

27.	CNT034	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	2	0	Lý thuyết			TS. Nguyễn Thị Thái ThS. Lê Thị Hương
28.	CNT035	Truyền thông nội bộ và quốc tế	Internal and international communication	3	0	Lý thuyết			GV tuyển mới
29.	CNT038	Quản lý truyền thông hình ảnh	Management of visual communication	1	2	Thực hành			ThS. Trần Đình Lộc ThS. Bùi Đức Chung
30.	CNT036	Thực tập chuyên ngành	Specialized Practice			Báo cáo	Bộ môn Công nghệ truyền thông		
31.	CNT037	Thực tập tốt nghiệp	Final internship			Báo cáo	Bộ môn Công nghệ truyền thông		
32.	CNT042	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation Report			Báo cáo	Bộ môn Công nghệ truyền thông		
33.	ĐC012	Tin học	Informatics	1	2	Thực hành + Trắc nghiệm	Hoàng Anh Công	ThS. Tào Ngọc Biên ThS. Lê Ngọc Hoàn ThS. Lưu Vũ Nam ThS. Đỗ Thị Hằng	ThS. Lê Văn Cường
34.	TTTV002	Toán học trong hoạt động thông tin	Mathematics in information operations	3	0	Tự luận	ThS. Phùng Thị Thúy Phương	ThS. Nguyễn Thị Phụng	

35.	TTTV003	Cơ sở công nghệ thông tin	Information technology base	1	2	Thực hành	ThS. Hoàng Anh Công	ThS. Đỗ Thị Hằng	
36.	TTTV004	Cơ sở dữ liệu	Database	3	0	Tự luận	ThS. Lê Ngọc Hoàn	ThS. Lưu Vũ Nam	
37.	TTTV006	Lập trình căn bản	Basic programming	1	1	Thực hành	ThS. Lê Ngọc Hoàn	ThS. Lưu Vũ Nam	
38.	TTTV007	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Data Structure and Algorithms	3	0	Tự luận	ThS. Tào Ngọc Biên		
39.	TTTV008	Các phương pháp tối ưu hóa	Optimization methods	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Phụng	ThS. Phùng Thị Thúy Phương	
40.	TTTV010	Hệ điều hành	Operating System	1	1	Thực hành	ThS. Đỗ Thị Hằng	ThS. Lê Văn Cường	
41.	TTTV019	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Information Systems Analysis and Design	1	2	Thực hành	ThS. Tào Ngọc Biên		
42.	TTTV020	Mạng máy tính 1 (Lý thuyết mạng, LAN, WAN)	Computer Networks 1 (Network theory, LAN, WAN)	1	2	Thực hành	ThS. Hoàng Anh Công	ThS. Trịnh Tất Đạt	
43.	TTTV030	Lập trình Web	Web programming	1	2	Thực hành	ThS. Lê Ngọc Hoàn		
44.	TTTV031	Trí tuệ nhân tạo	Artificial intelligence	3	0	Tự luận	ThS. Đỗ Thị Hằng	ThS. Tào Ngọc Biên	

45.	TTTV032	Công nghệ phần mềm	Software technology	3	0	Tự luận	ThS. Tào Ngọc Biên		
46.	TTTV033	Mạng máy tính 2 (Câu hình thiết bị, Swicth)	Computer Networks 2	1	2	Thực hành	ThS. Hoàng Anh Công	ThS. Trịnh Tất Đạt	
47.	TTTV034	Mạng máy tính 3 (Quản trị Server)	Computer Networks 3	1	2	Thực hành	ThS. Hoàng Anh Công	ThS. Trịnh Tất Đạt	
48.	TTTV058	Phát triển Website với phần mềm nguồn mở	Website development with open source software	1	2	Thực hành			ThS. Lê Ngọc Hoàn
49.	TTTV060	Kiến trúc máy tính	Computer structure	3	0	Tự luận	ThS. Tào Ngọc Biên		
50.	TTTV062	Ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp	Application of information technology in business	1	2	Thực hành			ThS. Lưu Vũ Nam ThS. Lê Văn Cường
51.	TTTV063	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Database Administration System	1	2	Thực hành	ThS. Lưu Vũ Nam	ThS. Lê Ngọc Hoàn	
52.	TTTV072	Ứng dụng công nghệ thông tin trong thư viện	Application of information technology in the library	1	2	Thực hành			ThS. Đỗ Thị Hằng ThS. Lê Ngọc Hoàn

53.	TTTTV082	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư - lưu trữ	Application of information technology in clerical and archival work	1	2	Thực hành	ThS. Đỗ Thị Hằng		ThS. Lê Ngọc Hoàn
54.	TTTTV092	Quản trị dự án tin học	Informatics project administration	2	0	Tự luận	ThS. Tào Ngọc Biên		

19. Bộ môn Thông tin – Thư viện (Academic division of informatics) - 48 học phần

TT	Mã học phần	Tên môn/học phần	Dịch Tiếng Anh	Số TC		Hình thức thi	Phân công giảng viên		
				LT	TH		GV 1	GV 2	GV tiếp cận
1.	TTTTV021	Tra cứu tin	Information check	1	2	Thực hành	ThS. Lê Thị Dương	ThS. Trịnh Tất Đạt	
2.	TTH001	Thông tin học đại cương	General information	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Dương	ThS. Nguyễn Thị Nhung	
3.	TTTTV011	Thư viện học đại cương	General library study	2	0	Tự luận	ThS. Đỗ Thị Thu Hương	ThS. Nguyễn Thị Nhung	
4.	TTTTV016	Thư viện trường học	School Library	2	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Nhung	ThS. Đỗ Thị Thu Hương	
5.	TTTTV035	Xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin	Building and developing information resources	3	0	Tự luận	ThS. Trịnh Tất Đạt	ThS. Nguyễn Thị Nhung	

6.	TTTTV040	Người dùng tin	Information user	3	0	Tự luận	ThS. Đỗ Thị Thu Hương	ThS. Lê Thị Dương	
7.	TTTTV041	Sản phẩm và dịch vụ Thông tin – Thư viện	Product and service of information – library	3	0	Thực hành	ThS. Nguyễn Thị Nhung	ThS. Lê Thị Dương	
8.	TTTTV043	Tổ chức & quản lý hoạt động thông tin – thư viện	Organization & management of information - library activities	3	0	Tự luận	ThS. Trịnh Tất Đạt	ThS. Nguyễn Thị Nhung	
9.	TTTTV047	Những vấn đề cơ bản về công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông	Overview of teaching equipment in high school	3	0	Tự luận	ThS. Hoàng Thị Thu Hằng		
10.	TTTTV048	Thiết bị dạy học dùng chung ở cơ sở giáo dục	Teaching equipment shared in educational institutions	3	0	Tự luận	ThS. Tào Ngọc Biên		ThS. Trịnh Tất Đạt
11.	TTTTV049	Thiết bị dạy học môn Mỹ thuật	Teaching equipment of Arts	1	1	Thực hành	ThS. Trần Đình Lộc		ThS. Nguyễn Phi Trường
12.	TTTTV050	Thiết bị dạy học môn Hóa học	Teaching equipment of Chemistry	1	1	Thực hành	ThS. Lê Thị Dung		ThS. Lê Văn Dũng
13.	TTTTV051	Thiết bị dạy học môn Địa lý	Teaching equipment of Geography	1	1	Thực hành	ThS. Bùi Thị Hậu	TS. Tạ Thị Thủy	

14.	TTTTV052	Thiết bị dạy học môn Sinh học	Teaching equipment of Biology	1	1	Thực hành	ThS. Phạm Thị Hải Yến		ThS. Lê Văn Dũng
15.	TTTTV053	Thiết bị dạy học môn Vật lý	Teaching equipment of Physics	1	1	Thực hành	ThS. Nguyễn Thị Phương		ThS. Phùng Thị Thúy Phương
16.	TTTTV057	Thiết bị dạy học môn Âm nhạc	Teaching equipment of Music	1	1	Thực hành	ThS. Phạm Ngọc Đình		
17.	TTTTV056	Tự động hóa hoạt động thông tin thư viện	Information – library automation	1	1	Thực hành	ThS. Trịnh Tất Đạt	ThS. Nguyễn Thị Nhung	
18.	TTTTV055	Thống kê học	Statistics	3	0	Tự luận	ThS. Phùng Thị Thúy Phương	ThS. Nguyễn Thị Phương	
19.	TTTTV059	Lý luận và phương pháp công tác văn thư	Theory and methods of clerical work	2	0	Tự luận	TS. Tạ Thị Thủy	ThS. Lê Thị Dương	
20.	TTTTV061	Công tác văn thư lưu trữ	Archival clerical work	3	0	Tự luận	ThS. Lê Thị Dương	ThS. Đỗ Thị Thu Hương	
21.	TTTTV066	Thiết bị dạy học các môn xã hội	Teaching equipment of social subjects	3	0	Tự luận	TS. Tạ Thị Thủy	ThS. Bùi Thị Hậu	
22.	TTTTV067	Xử lý thông tin 1 (biên mục, phân loại tài liệu)	Information processing 1 (catalogue, document classification)	1	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Thị Nhung	ThS. Trịnh Tất Đạt	

23.	TTTTV068	Xử lý thông tin 2 (Xử lý nội dung tài liệu)	Information processing 2(Document content processing)	1	2	Thực hành	ThS. Nguyễn Thị Nhung	ThS. Trịnh Tất Đạt	
24.	TTTTV069	Thiết bị dạy học ở trường Tiểu học	Teaching equipment in elementary school	3	0	Tự luận	ThS. Bùi Thị Hậu	ThS. Hoàng Thị Hằng	
25.	TTTTV070	Thiết bị dạy học thể dục thể thao	Equipment for teaching sport subjects	1	1	Thực hành			TS. Trịnh Ngọc Trung ThS. Nguyễn Thành Trung
26.	TTTTV071	Thiết bị dạy học môn công nghệ	Equipment for teaching technology subjects	3	0	Tự luận			ThS. Tào Ngọc Biên
27.	TTTTV073	Thư viện số	Digital library	1	1	Thực hành	ThS. Trịnh Tất Đạt	ThS. Nguyễn Thị Nhung	
28.	TTTTV074	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	Information for leaders and managers	2	0	Tự luận	TS. Nguyễn Thị Hà	ThS. Lê Thị Dương	
29.	TTTTV075	Tổ chức cơ quan nhà nước	Organization of state agencies	2	0	Tự luận			ThS. Lê Thị Hòa
30.	TTTTV076	Nhập môn công tác văn thư	Introduction to clerical work	3	0	Tự luận	TS. Tạ Thị Thủy	ThS. Lê Thị Dương	
31.	TTTTV077	Lưu trữ học	Archives	3	0	Tự luận	ThS. Đỗ Thị Thu Hương	ThS. Lê Thị Dương	

32.	TTTV078	Nghệp vụ văn thư 1 (soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản)	clerical work 1 (draft, issue, document management)	3	1	Tiểu luận	ThS. Hoàng Thị Kim Oanh	TS. Nguyễn Thị Hà	
33.	TTTV079	Nghệp vụ văn thư 2 (lưu trữ hiện hành)	clerical work 2 (current archive)	2	2	Thực hành	ThS. Lê Thị Dương	ThS. Đỗ Thị Thu Hương	
34.	TTTV080	Nghệp vụ lưu trữ 1 (thu thập, xử lý tài liệu)	Archival work 1 (collect, process, preserve documents)	2	2	Thực hành	ThS. Lê Thị Dương	ThS. Đỗ Thị Thu Hương	
35.	TTTV081	Nghệp vụ lưu trữ 2 (bảo quản tài liệu, khai thác sử dụng văn bản)	Archival work 2 (Organize a room for storing and exploiting documents)	2	2	Thực hành	ThS. Lê Thị Dương	ThS. Đỗ Thị Thu Hương	
36.	TTTV083	Lưu trữ tài liệu đa phương tiện	Multimedia file storage	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Nhung	ThS. Tào Ngọc Biên	
37.	TTTV084	Sử dụng và quản lý trang thiết bị văn phòng	Using and managing office equipment	1	2	Thực hành	ThS. Trịnh Tất Đạt	ThS. Tào Ngọc Biên	
38.	TTTV085	Quản lý nhà nước trong công tác văn thư - lưu trữ	State management in clerical and archival work	3	0	Tự luận	ThS. Bùi Thị Hậu		
39.	TTTV086	Công tác văn thư - lưu trữ trong các doanh nghiệp	Clerical - Archival work in enterprises	4	0	Tự luận			Tạ Thị Thủy ThS. Bùi Thị Hậu

40.	TTTTV087	Công tác văn thư-lưu trữ trong các cơ quan Nhà nước	Clerical and Archival work in State agencies	4	0	Tự luận			TS. Tạ Thị Thủy ThS. Bùi Thị Hậu
41.	TTTTV088	Tiêu chuẩn hóa trong công tác văn thư – lưu trữ	Standardization in clerical and archival work	3	0	Tự luận	ThS. Nguyễn Thị Nhung	ThS. Lê Thị Dương	
42.	TTTTV089	Nghiep vụ thư kí văn phòng	Office secretarial profession	3	0	Tự luận	ThS. Hoàng Thị Thu Hằng	TS. Nguyễn Thị Hà	
43.	TTTTV090	Nghiep vụ quản trị văn phòng	Office Administration Profession	3	0	Tự luận	TS. Nguyễn Thị Hà	ThS. Hoàng Thị Thu Hằng	
44.	TTTTV091	Lễ tân văn phòng	Office Reception	1	1	Thực hành	ThS. Lê Thị Bưởi		ThS. Hoàng Thị Thu Hằng
45.	TTTTV095	Tổ chức và bảo quản tài liệu	Information Organisation and Preservation	1	2	Thực hành	ThS. Lê Thị Dương	ThS. Đỗ Thị Thu Hương	
46.	TTTTV064	Thực tế chuyên ngành	Specialized practice	0	3	Báo cáo	Bộ môn Thông tin - Thư viện		
47.	TTTTV065	Thực tập cuối khóa	Final internship	0	5	Báo cáo	Bộ môn Thông tin - Thư viện		
48.	TTTTV098	Báo cáo tốt nghiệp	Graduation paper	0	7	Báo cáo	Bộ môn Thông tin - Thư viện		